



EVN PECC2

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2017

ANNUAL REPORT



Hơn 30 năm, với nỗ lực và ý chí quyết tâm, PECC2 đã trưởng thành vượt bậc với quy mô lớn mạnh về năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng. Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, PECC2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.



MỤC LỤC

- 04 Tầm nhìn, sứ mệnh
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

08 THÔNG TIN CHUNG

- 10 Thông tin khái quát
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Thành tích và giải thưởng
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 3 trung tâm và 2 xí nghiệp
- 20 Định hướng phát triển của công ty
- 22 Các rủi ro

24 BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 30 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 34 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 36 Chính sách quản lý nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

48 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 50 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 52 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2017
- 62 Kế hoạch phát triển
- 66 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

68 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Hội đồng Quản trị
- 70 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 72 Ban Kiểm soát
- 72 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

78 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 80 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 82 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 84 Bảng cân đối kế toán tổng hợp
- 86 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 87 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 88 Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

TẦM NHÌN

PECC2 là một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, định hướng khách hàng, có nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản lý hiện đại, không ngừng phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

SỨ MỆNH

Cung cấp cho khách hàng dịch vụ và sản phẩm có chất lượng tốt nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế;

Hợp tác hiệu quả với các đối tác tin cậy, liên tục gia tăng giá trị công ty, lợi ích cổ đông và thu nhập của người lao động;

Luôn cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, hiện đại hóa công nghệ để đáp ứng thách thức trong môi trường ngày càng cạnh tranh;

Đào tạo, huấn luyện, bổ sung và nâng cao năng lực của đội ngũ người lao động, xây dựng hệ thống đãi ngộ hợp lý để duy trì và phát triển nguồn nhân lực;

Bảo vệ và gia tăng lợi ích chung cho cộng đồng và xã hội.





Kính gửi Quý Khách hàng và Quý cổ đông,

Trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát thiết kế và giám sát xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) đã không ngừng phát triển và đã trở thành một trong những thương hiệu mạnh trong ngành năng lượng Việt Nam.

Với đội ngũ quản lý điều hành nhiều kinh nghiệm và sáng tạo, cùng lực lượng chuyên gia, kỹ sư, kỹ thuật viên, công nhân có trình độ chuyên môn, kỹ năng và tay nghề cao, được đào tạo, rèn luyện qua các công trình thực tế bên cạnh các Tư vấn nước ngoài, PECC2 ngày nay tự tin đảm nhận và cam kết chất lượng dịch vụ cho tất cả các loại dự án điện, kể từ điều tra khảo sát, lập qui hoạch, đến thiết kế, giám sát thi công và quản lý xây dựng.

Trên nền tảng hoạt động cốt lõi là dịch vụ tư vấn, với lợi thế về địa điểm và đất đai cũng như kinh nghiệm lựa chọn và phát triển dự án, Công ty đồng thời tích cực triển khai các hoạt động Kinh doanh và Đầu tư, phát triển thị trường nước ngoài, nhằm mục đích phát triển bền vững Công ty, nâng cao thu nhập của người lao động và gia tăng lợi ích của cổ đông.

Với sự thống nhất ý chí, quyết liệt trong hành động, phong cách làm việc chuyên nghiệp, nhạy bén ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất và quản lý, PECC2 không ngừng nỗ lực tìm tòi, tập trung mọi giải pháp trí tuệ cho sự thành công của từng dự án và cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty trong vận hội mới của toàn dân tộc!

Xin trân trọng cảm ơn!

NGUYỄN CHƠN HÙNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc



01

THÔNG TIN CHUNG

- 10 Thông tin khái quát
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Thành tích và giải thưởng
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 3 trung tâm và 2 xí nghiệp
- 20 Định hướng phát triển của công ty
- 22 Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**
- Tên tiếng Anh : **POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2**
- Tên viết tắt : **PECC2**
- Giấy ĐKKD : Số 0300420157 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 29/10/2007
- Vốn điều lệ : **58.634.700.000 VNĐ**
(Năm mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng)
- Địa chỉ : 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.28) 222 16468
- Fax : (84.28) 222 10408
- Email : info@pecc2.com
- Website : www.pecc2.com
- Mã cổ phiếu : **TV2**





1981

Bộ Điện lực điều động các lực lượng kỹ sư và công nhân vào miền Nam để thiết kế xây dựng công trình thủy điện Trị An - công trình nguồn điện đầu tiên ở phía nam từ sau ngày thống nhất đất nước.

01/7/1985

Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2) ra đời và là đơn vị trực thuộc Bộ Điện lực.

11/01/1999

Công ty được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

01/11/2007

Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51,26% cổ phần.

13/10/2009

PECC2 chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

18/5/2017

PECC2 khai trương văn phòng đại diện tại Myanmar





2005
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG BA

2010
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHÌ

2015
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG NHẤT

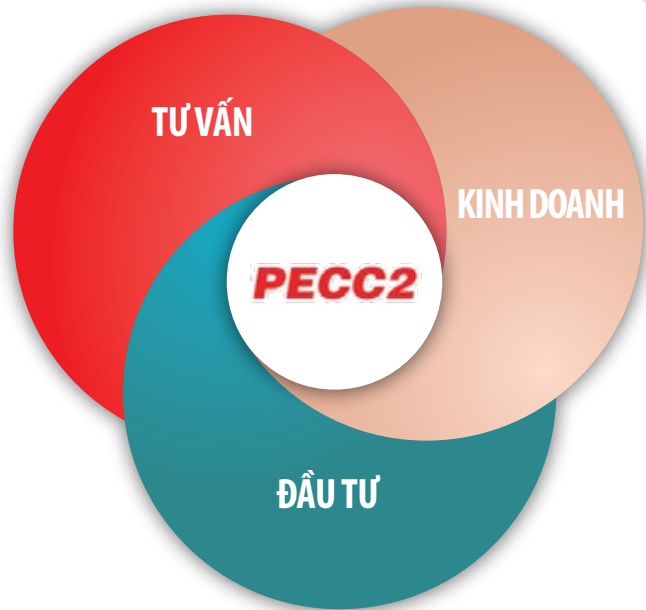


2014
CÚP VÀNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP CÓ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ KINH DOANH TỐT NHẤT
NHÓM NGÀNH TƯ VẤN.

2010 - 2017
CÚP VÀNG CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VIỆT NAM
DO BỘ XÂY DỰNG PHỐI HỢP CÙNG CÁC BỘ GTVT, BỘ NN & PTNT,
BỘ KH & CN LỰA CHỌN TRAO TẶNG CHO 5 CÔNG TRÌNH.

VÀ NHIỀU BẰNG KHEN, CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
CHO CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ CÁ NHÂN.

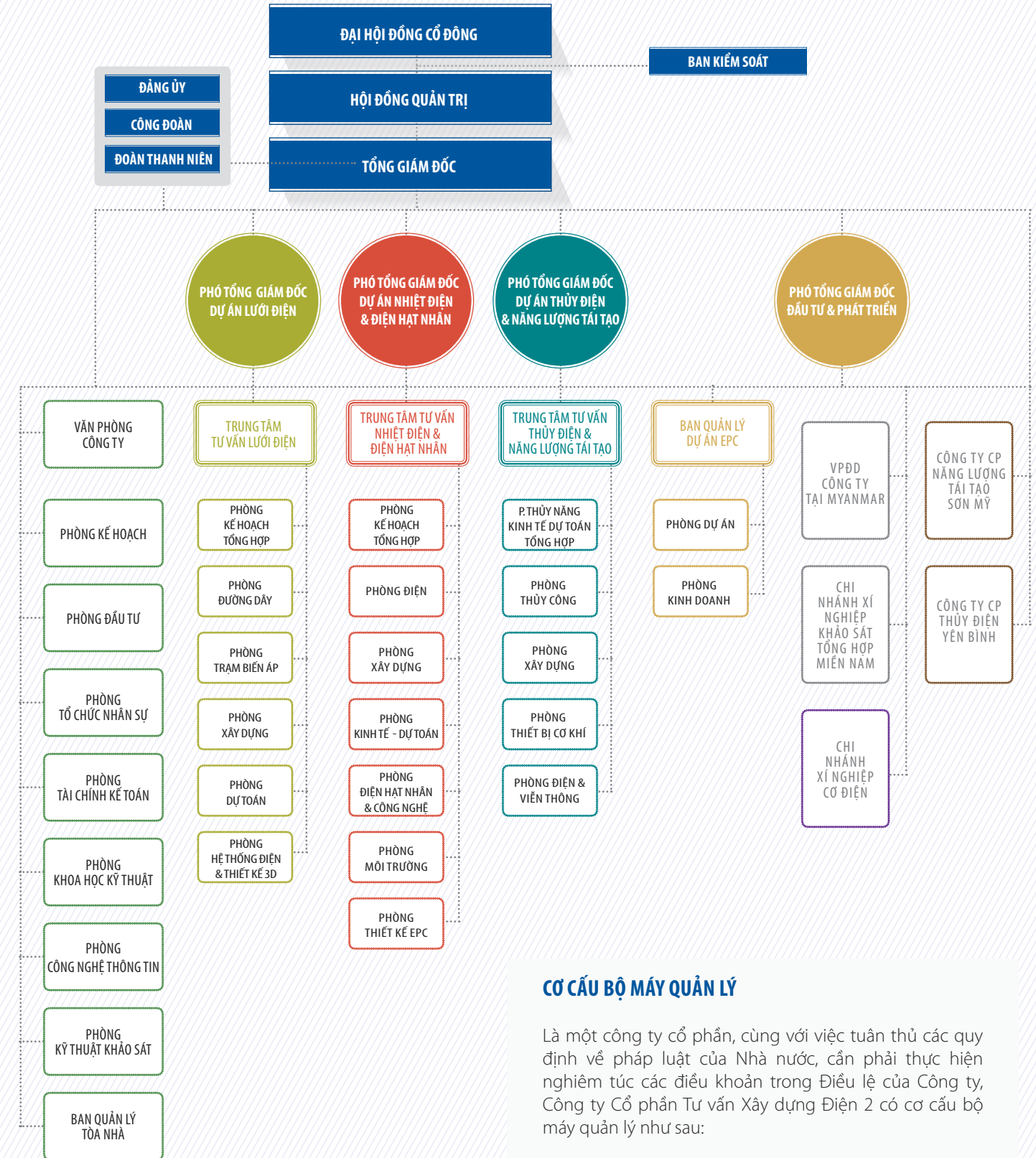
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



- Khảo sát, Quy hoạch, Thiết kế, Giám sát và Quản lý Xây dựng các dự án Nguồn và Lưới điện
- Kinh doanh theo hình thức hợp đồng EPC và gia công chế tạo cơ khí cho các dự án năng lượng; thiết kế chế tạo hệ thống phụ trợ trong nhà máy điện;
- Đầu tư và phát triển các dự án năng lượng sạch, năng lượng mới.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các dự án của PECC2 không chỉ trên khắp mọi miền đất nước mà còn vươn ra các nước trong khu vực.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Là một công ty cổ phần, cùng với việc tuân thủ các quy định về pháp luật của Nhà nước, cần phải thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Điều lệ của Công ty, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 có cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc



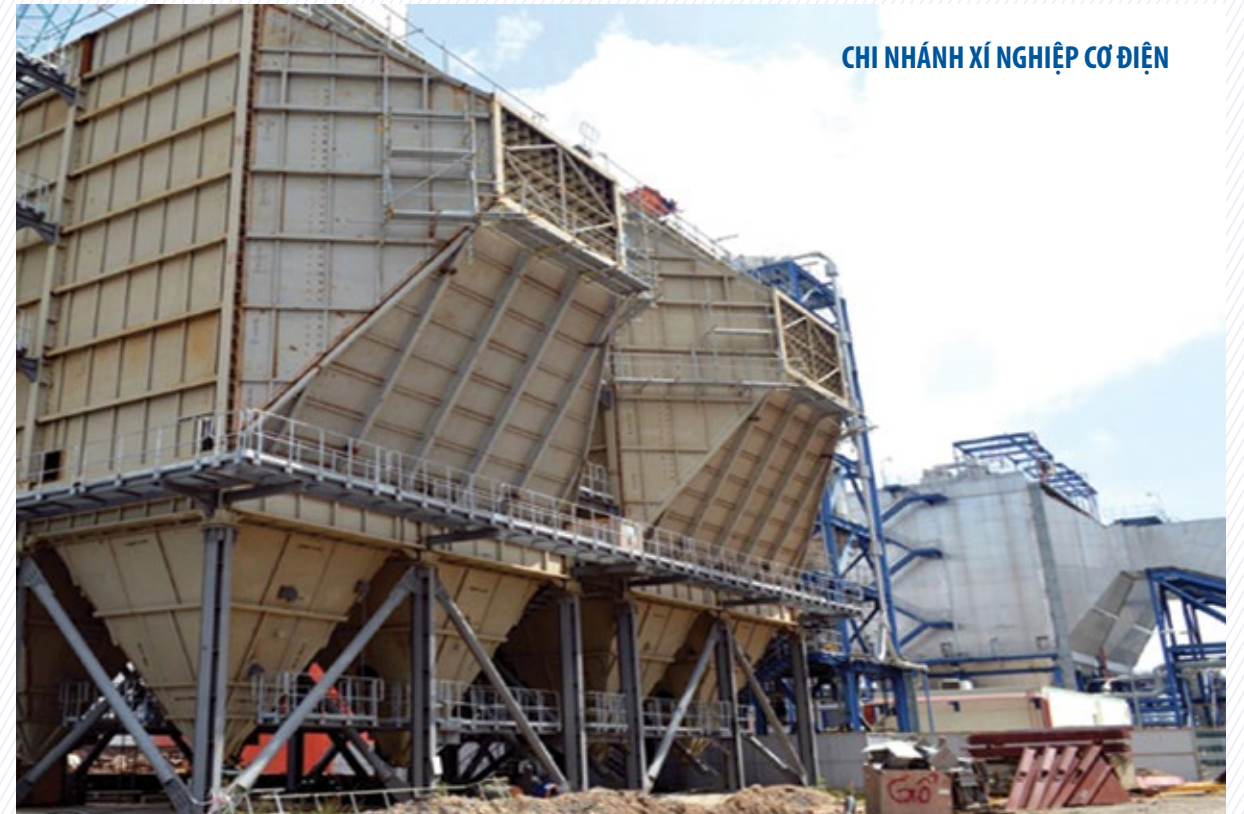
**TRUNG TÂM TƯ VẤN NHIỆT ĐIỆN
VÀ ĐIỆN HẠT NHÂN**



TRUNG TÂM TƯ VẤN LƯỚI ĐIỆN



**TRUNG TÂM TƯ VẤN THỦY ĐIỆN
VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO**



CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN



**CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT
TỔNG HỢP MIỀN NAM**



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực quản trị để không ngừng cải thiện năng suất lao động và khả năng cạnh tranh;
2. Trên nền tảng hoạt động cốt lõi là dịch vụ tư vấn, phát triển các hoạt động kinh doanh và đầu tư theo hướng ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, nhằm gia tăng giá trị cho doanh nghiệp;
3. Phấn đấu khẳng định vị thế một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, định hướng khách hàng, phát triển cả về chiều sâu năng lực, quy mô và thị trường hoạt động.

MỤC TIÊU ĐẾN 2020, TẦM NHÌN 2030

LĨNH VỰC TƯ VẤN

Giữ vững vị trí hàng đầu về tư vấn điện, làm chủ công nghệ, thiết kế chi tiết bản vẽ thi công trên tất cả các lĩnh vực thiết kế, đặc biệt là thiết kế nguồn điện

LĨNH VỰC KINH DOANH

Vươn lên làm Tổng thầu EPC Nhà máy điện. Tự chế tạo các thiết bị, ưu tiên các thiết bị môi trường, hệ thống than trên cơ sở chuyển giao công nghệ của nước ngoài

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Làm chủ đầu tư tối thiểu 100MW nguồn điện

PHƯƠNG CHÂM LÀM VIỆC

VỚI KHÁCH HÀNG:

Cam kết luôn đồng hành cùng thành công của dự án, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lấy việc thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ mà mình cung cấp làm mục tiêu quan trọng hàng đầu, xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là thành công của chính Công ty.

VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN:

Tạo điều kiện và khuyến khích tính năng động, sáng tạo của cá nhân, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, tập thể và tạo sự gắn bó giữa cán bộ công nhân viên với Công ty, phấn đấu nâng cao thu nhập cho người lao động trên cơ sở đánh giá đúng năng lực và hiệu quả công việc của mỗi người, xây dựng tinh thần hợp tác, đoàn kết là động lực để Công ty không ngừng phát triển.

VỚI CỔ ĐÔNG:

Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin tới các cổ đông; đảm bảo quyền lợi và lợi ích, phấn đấu nâng cao hiệu quả đầu tư và cổ tức cho cổ đông.

VỚI ĐỐI TÁC:

Tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng trên nguyên tắc tôn trọng, cạnh tranh lành mạnh vì lợi ích của cộng đồng, khách hàng và của Công ty.

VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Chấp hành luật pháp, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chú trọng đến các hoạt động mang tính xã hội thiết thực và nhân đạo, với phương châm chung tay vì sự phát triển cộng đồng.





Năm 2017, cùng với tình hình chung, ngành điện đối mặt với nhiều biến động về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội. Việc thực hiện các mục tiêu đặt ra của các tổ chức cũng vì vậy mà gặp nhiều khó khăn, thách thức. Đối với PECC2, để đảm bảo đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra, hoạt động quản lý rủi ro của Công ty càng được chú trọng. Nhiệm vụ chính của quản lý rủi ro là nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn, phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để giúp Ban điều hành đưa ra những quyết định hợp lý nhằm hạn chế mức thiệt hại đến mức thấp nhất. Công ty chịu sự tác động của các rủi ro sau đây:

RỦI RO VỀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Thiếu kế hoạch phù hợp để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Hoàn thiện Chiến lược cho giai đoạn 2016 - 2025 theo phương pháp tiếp cận tiên tiến với sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn chiến lược.

Triển khai đến các Trung tâm/Chi nhánh giúp nắm rõ chiến lược và mục tiêu chiến lược và đảm bảo sự thống nhất xuyên suốt trong toàn Công ty.

RỦI RO TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH

Thất bại trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh do đánh giá sai tiến độ đầu tư dự án, sự đồng bộ của các qui hoạch có liên quan.

Xác định các kế hoạch, dự án quan trọng của Công ty.

Phân công cụ thể bộ phận chủ trì triển khai cho từng dự án.

Xây dựng các tiêu chí đánh giá, đo lường kết quả thực hiện.

Xây dựng các tiêu chí đánh giá để án ngay trong từng cấp/đơn vị để đưa ra các giải pháp kịp thời.

RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Rủi ro về chất lượng sản phẩm không chỉ trong công tác thiết kế mà còn trong công tác khảo sát/ thu thập số liệu về qui hoạch phát triển kinh tế xã hội của khu vực dự án.

Quản lý chất lượng sản phẩm theo qui trình thiết kế; chuẩn hóa các công tác thiết kế và tăng cường kiểm soát nội bộ theo danh sách được cập nhật thường xuyên. Nâng cao năng lực chuyên môn và trách nhiệm của cả đơn vị thiết kế - kiểm tra thông qua các hội thảo/báo cáo dự án sau khi hoàn thành.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường: bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

● **Rủi ro tỷ giá:** Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá.

● **Rủi ro lãi suất:** do giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

● **Rủi ro giá:** Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động, Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

Rủi ro tín dụng: xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu của khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

RỦI RO VỀ PHÁP LÝ

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán, Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp.... Tuy nhiên sự thay đổi của Luật và các bản hướng dẫn thi hành và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Và khả năng nắm vững các yêu cầu pháp lý (luật, nghị định...) liên quan đến công tác đầu tư xây dựng chưa cao. Điều này đòi hỏi Công ty phải luôn chú trọng đến việc nghiên cứu, cập nhật và phổ biến các quy định mới của Pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng các quy định hạn chế đến mức thấp nhất các biến động của sự điều chỉnh pháp lý.

RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Đối với những hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nhân lực, chảy máu chất xám là một trong những rủi ro quan trọng đối với những doanh

nh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi gia nhập nền kinh tế thế giới với những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện tại Việt Nam với những lợi thế về trình độ nhân sự, có kinh nghiệm trong những công trình lớn với công nghệ tiên tiến. Do đó, công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo cán bộ để duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao.

RỦI RO VỀ CHIẾM DỤNG VỐN

Rủi ro quan trọng nhất đối với các Công ty là đơn vị tư vấn, khảo sát, thiết kế là còn khoản nợ từ các dự án. Các công ty phải chịu rủi ro về chiếm dụng vốn của các Chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho các dự án hoặc thanh toán chậm. Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty thường xuyên đưa ra các kế hoạch làm việc với đối tác, thảo luận các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán còn tồn đọng.

RỦI RO AN NINH THÔNG TIN

Nguy cơ gián đoạn hệ thống các chương trình quản lý và cơ sở dữ liệu, bảo mật thông tin bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.

ĐÁNH GIÁ CHUNG NĂM 2017, CÁC RỦI RO QUAN TRỌNG VÀ CÁC BIẾN ĐỘNG TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG TY NHẬN DIỆN KỊP THỜI, ĐÁNH GIÁ ĐÚNG MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG VÀ ĐƯA RA CÁC GIẢI PHÁP PHÙ HỢP ĐỂ ĐẢM BẢO ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU ĐÃ ĐỀ RA.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

- 26 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 30 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 34 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 36 Chính sách quản lý nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



NĂM 2017 LÀ NĂM ĐÁNH DẤU CỘT MỐC QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY. TRẢI QUA HƠN 30 NĂM HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KHẢO SÁT THIẾT KẾ VÀ GIÁM SÁT XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN, CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 ĐÃ TRỞ THÀNH VƯỢT BẬC VỚI QUY MÔ LỚN MẠNH VỀ NĂNG LỰC TƯ VẤN, NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DỤNG.

Trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát thiết kế và giám sát xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã trưởng thành vượt bậc với quy mô lớn mạnh về năng lực tư vấn, nguồn nhân lực và các phương tiện chuyên dụng.

Sự vươn lên không ngừng và thành quả đạt được của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện (nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và hàng trăm công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) đã được đưa vào vận hành, đang thi công và đang chuẩn bị khởi công xây dựng. Trong đó, các công trình tiêu biểu là thủy điện Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận – Đa Mi, Srokphumieng, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Đồng Nai 3 & 4, ĐakMi 4, thủy điện tích năng Đơn Dương, ĐakTi'nh, Hạ Sê San 1/5; các công trình nhiệt điện tại Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải, Sơn Mỹ, Kiên Lương, Mông Dương 2, Sông Hậu 1, 2; đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè – Phú Lâm, 500kV Bắc Nam mạch 1 và 2, 500kV Sơn La - Hiệp Hòa, cáp ngầm 220kV Nhà Bè – Tao Đàn; cáp ngầm xuyên biển Hà Tiên-Phú Quốc, TBA 500/220kV Nhà Bè, TBA 500kV Tân Định, TBA 500kV Ô Môn, trạm GIS Tao Đàn, v.v...

Phạm vi, loại hình và chất lượng dịch vụ của PECC2 cũng không ngừng được nỗ lực mở rộng và nâng cao, với các dự án EPC, PMC, các dự án điện hạt nhân, thủy điện tích năng, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ mới trong khảo sát và thiết kế.

Vươn lên cùng với sự phát triển không ngừng của ngành điện trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước, PECC2 luôn nỗ lực chinh phục từng vận hội, khẳng định một thương hiệu Việt uy tín trên các công trình Điện trong nước và khu vực.

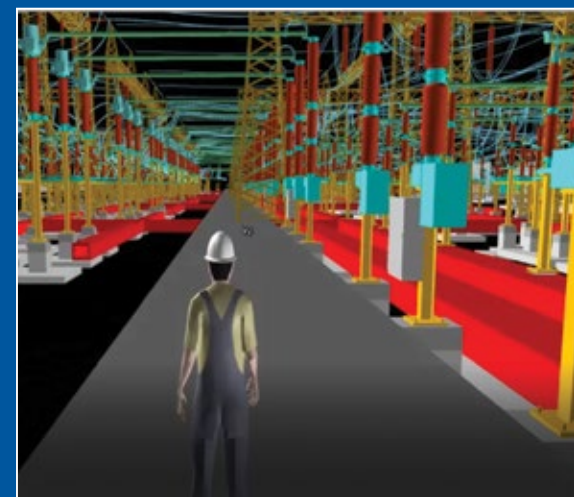
Slogan **“Giải pháp trí tuệ, Thành công bền vững”** đã đúc kết quá trình bền bỉ, đoàn kết lao động, sáng tạo và phát triển của tập thể Tư vấn Điện 2. Từ chỗ chỉ là tư vấn phụ của tư vấn nước ngoài cho các dự án điện tại Việt Nam, PECC2 đã từng bước trưởng thành làm tư vấn chính cho thiết kế xây dựng hàng loạt công trình. Uy tín của PECC2 dần được khẳng định nhờ tinh thần năng động tiếp thu, tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới phương thức làm việc, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Sự hợp tác tích cực với các công ty, tổ chức tư vấn nước ngoài cũng đã góp phần nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của PECC2 qua từng dự án.

Là đơn vị tư vấn, lợi thế của Công ty là nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, máy móc thiết bị hiện đại, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các chuyên gia kỹ thuật giàu kinh nghiệm đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng ngoại ngữ, tin học và năng lực điều hành quản lý dự án.

Cùng với chính sách mở cửa và đa dạng hóa các nhà đầu tư vào ngành điện, ngoài khách hàng chính là các đơn vị thuộc EVN, Công ty đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. như PV, TKV, CSG, EGATI, Janakuasa, Toyo Ink, v.v...



Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân



Thiết kế trạm biến áp trên mô hình 3D



Đường dây 500kV Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông



Hệ thống băng tải than từ cảng than và kho than, Nhà Máy Nhiệt điện Vĩnh Tân



Hạ Rotor nhà máy Thác Mơ Mở rộng

Trong năm 2017 với bối cảnh nền kinh tế cả nước có nhiều chuyển đổi về mô hình tăng trưởng theo hướng giảm dần khai thác tài nguyên, chuyển sang công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển các ngành dịch vụ, du lịch. Đây là thách thức lớn đối với ngành điện để phát triển nguồn điện đủ đáp ứng nhu cầu nhưng phải đảm bảo vấn đề môi trường là điểm nhạy cảm của toàn xã hội và đó cũng là khó khăn của các đơn vị trong EVN nói chung và PECC2 nói riêng. Tuy nhiên với những thành công và thắng lợi trong năm 2016

đã tạo được niềm tin về định hướng phát triển của lãnh đạo Công ty, do đó toàn thể người lao động Công ty đã nỗ lực làm việc với tinh thần và quyết tâm cao để hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu doanh thu tài chính theo kế hoạch do HĐQT giao.

Công ty đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh tập trung cho chủ đề “Đẩy mạnh Khoa học Công nghệ” với mục đích triển khai ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong quản trị, điều hành, thiết kế và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý dự án cho khách hàng.

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu trong năm 2017 như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu chính	Kế hoạch	Năm 2017	Tỷ VNĐ
			% Tăng Giảm
Tổng doanh thu	1.816,6	1.876,8	103%
Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính	1.816,6	1.838,0	
Thu nhập khác	0	0,6	
Các chỉ tiêu tài chính			
Lợi nhuận trước thuế	125,8	268,6	214%
Lợi nhuận sau thuế	100,6	214,4	
Cổ tức (%)	không thấp hơn 22%	110%	

Toàn cảnh Trung tâm Điện lực Duyên Hải



đủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn về trách nhiệm của lãnh đạo, về quản lý nguồn lực, về các quá trình hình thành sản phẩm, về đo lường, phân tích và cải tiến.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO của PECC2 thường xuyên được cải tiến và được đánh giá giám sát hàng năm. Qua 10 năm vận hành, hệ thống ISO này đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ do PECC2 cung cấp.

Từ tháng 2 năm 2014, PECC2 chính thức được TUV NORD cấp chứng chỉ và đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.

Tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh của PECC2 luôn tuân thủ các quy định an toàn lao động và các quy định của ISO 14001 về môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng, PECC2 đã xây dựng và đưa vào áp dụng thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty đã được tổ chức BVQI chứng nhận từ năm 2002 và đã được Quacert tái chứng nhận vào các năm 2005, 2008 và 2012. Hệ thống gồm gần 30 quy trình tài liệu, chi phối mọi lĩnh vực hoạt động khảo sát và thiết kế của Công ty, đáp ứng đầy



HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2008

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG: Với mong muốn vươn lên thành một thương hiệu mạnh về tư vấn năng lượng trong khu vực, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: “Thường xuyên cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động nhằm phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về chất lượng, tạo sự đồng nhất về chất lượng của mọi sản phẩm, dịch vụ và giải pháp mà chúng tôi cung cấp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng”.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 9001:2008

CHÍNH SÁCH MÔI TRƯỜNG: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cam kết: trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn thân thiện với môi trường, giảm tiêu hao tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu pháp luật và yêu cầu khác về môi trường; không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, áp dụng công nghệ mới tiên tiến thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.





Ông NGUYỄN CHƠN HÙNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông TRẦN QUANG LÂM
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông NGUYỄN TRỌNG NAM
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông VÕ QUANG LÂM
Thành viên Hội đồng
Quản trị

Ông TRƯƠNG KHÁC LEN
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập





Ông NGUYỄN CHƠN HÙNG
Tổng Giám đốc

Ông TRẦN QUANG LÂM
Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN TRỌNG NAM
Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN HẢI PHÚ
Phó Tổng Giám đốc

Bà BÙI THỊ NGỌC LÝ
Kế toán Trưởng





Bà NGUYỄN THỊ THU HIỀN
Trưởng Ban kiểm soát

Bà TRẦN THỊ HÒA
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông VÕ DUY BÁCH
Thành viên Ban Kiểm soát

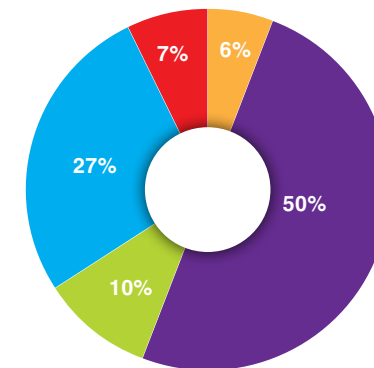


NGUỒN NHÂN LỰC LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA CÔNG TY



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG
769
NGƯỜI
TÍNH ĐẾN 31/12/2017

Với quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty, chất lượng con người quyết định chất lượng công việc và dịch vụ, PECC2 luôn coi nhiệm vụ đào tạo và đầu tư vào nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách phát triển. Không những trân trọng và tạo điều kiện phát huy cao nhất những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ lâu năm, Công ty còn đánh giá cao năng lực của lực lượng cán bộ kỹ thuật trẻ xem đó là sức sống mạnh mẽ của Công ty hiện tại và trong tương lai. Cùng với việc nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ dưới nhiều hình thức khác nhau: đào tạo qua thực tế công việc, qua các hội thảo, hội nghị tổng kết trao đổi kinh nghiệm, qua các dự án, các khóa đào tạo trong và ngoài nước và qua các chương trình



- Thạc sỹ 6%
- Kỹ sư, chuyên viên 50%
- Cán bộ, kỹ thuật viên 10%
- Công nhân 27%
- Khác 7%

hợp tác giữa PECC2 và các tổ chức tư vấn quốc tế. Chính sách nâng cao năng lực tư vấn được Công ty soạn thảo và áp dụng tạo cho người lao động nhiều cơ hội thăng tiến. Chế độ đãi ngộ của Công ty được dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng người. Nhờ đó, Công ty đã tạo được ưu thế trong việc thu hút nguồn "chất xám", đào tạo phát triển cũng như sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

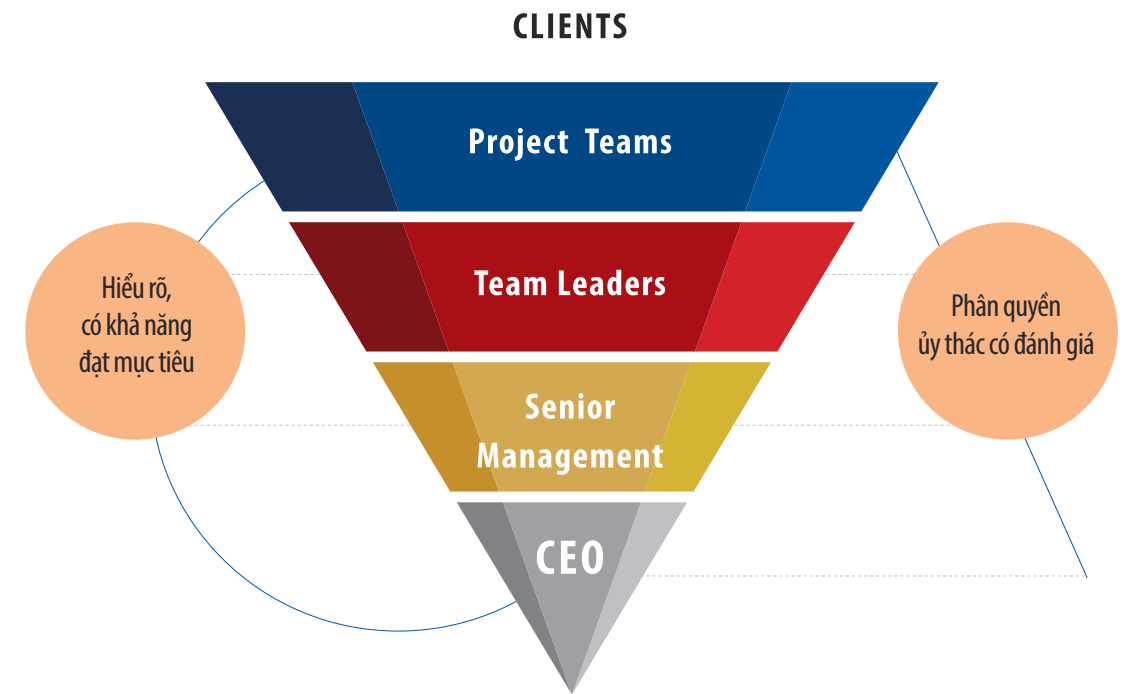
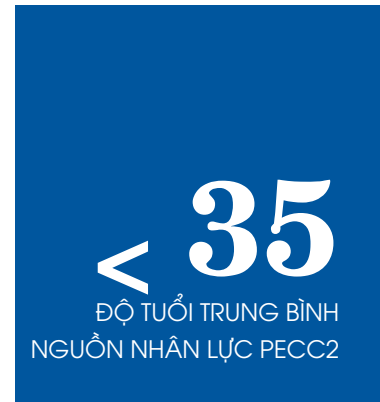
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP PECC2

Thông qua "Tài liệu văn hóa" và "Quy tắc Ứng xử & Tác phong làm việc PECC2", Công ty quy định và cam kết thực hiện các hành vi ứng xử và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của mọi thành viên PECC2 trong nội bộ, và đối với khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề cốt lõi là Tư vấn thiết kế, vì vậy yếu tố quan trọng nhất cho sự thành bại của Công ty chính là yếu tố nhân sự. Đối với PECC2, Người lao động được coi là tài sản quan trọng nhất. Để tạo sự gắn kết giữa Người lao động và Công ty, PECC2 chủ trương xây dựng các chính sách cam kết hai chiều giữa Công ty và Người lao động cũng như tạo ra môi trường làm việc tốt, phát huy được sức mạnh tập thể.

Từ các lý do nêu trên, hiện nay PECC2 định hướng quản trị Công ty theo mô hình kim tự tháp ngược; trong đó, Người lao động - những người tiếp xúc, làm việc trực tiếp với khách hàng và được PECC2 coi trọng như là tài sản quý nhất - sẽ được nâng vai trò trách nhiệm, tự chủ trong công việc qua phân quyền, ủy thác. Các quản lý cấp cao hơn trong vai trò hướng dẫn cụ thể, hỗ trợ trực tiếp cho Người lao động trong công việc và cùng giải quyết các khó khăn.



Người lao động chính là người mấu chốt, hiểu rõ công việc và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đạt mục tiêu của Công ty, quyết định sự hài lòng và tạo dựng quan hệ bền vững giữa khách hàng với Công ty. Còn các nhà quản lý sẽ là người định hướng, hỗ trợ toàn nhóm với vai trò cố vấn và đánh giá, giám sát kết quả công việc. Với mô hình quản trị này, PECC2 thể hiện sự tôn trọng với người lao động, qua đó kích thích được ý thức trách nhiệm, tính chủ động và sáng tạo của Người lao động.

Trong giai đoạn tới, để gia tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty thông qua yếu tố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, định hướng quản trị của PECC2 vẫn nỗ lực duy trì mô hình nêu trên, đồng thời có cải tiến trên nguyên tắc đảm bảo sự nhất quán, công bằng cho tất cả người lao động, khích lệ các sáng kiến, và đặt lợi ích tập thể lên trên hết.

01

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2017 LÀ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG 01 DỰ ÁN. NHƯNG GẶP MỘT SỐ TRỞ NGẠI TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NÊN DỰ KIẾN SẼ KHỞI CÔNG VÀO QUÍ 1-2018. TUY NHIÊN VỀ TỔNG THỂ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CÓ NHIỀU CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC NHƯ SAU:



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC VINH TÂN – GIAI ĐOẠN 1

Đây là dự án điện mặt trời nằm trong Trung tâm Điện lực Vinh Tân, tỉnh Bình Thuận. Với công suất khoảng 5MWp và tổng mức đầu tư khoảng 120 tỷ đồng. Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch. Đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (FS) và phát hành hồ sơ mời thầu EPC để phần đầu khởi công xây dựng trong Quý 1 và hoàn thành dự án vào cuối năm 2018.

02



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI SƠN MỸ 3-1

Là dự án điện mặt trời thứ 2 được Công ty phát triển tại tỉnh Bình Thuận với công suất khoảng 50MWp và tổng mức đầu tư khoảng 1.300 tỷ đồng. Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung quy hoạch. Công ty đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ để thực hiện dự án.

03



DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ TÂN THUẬN-GIAI ĐOẠN 1

Đây là dự án điện gió được Công ty phát triển tại tỉnh Cà Mau với công suất: 24MWp và tổng mức đầu tư khoảng 817 tỷ. Công ty đã đầu tư lắp dựng xong cột đo gió để tiến hành đo gió trong 12 tháng theo quy định. Để nâng cao chất lượng lập FS cho dự án, Công ty tích cực tìm kiếm và đã nhận được khoản tài trợ kỹ thuật từ Cơ quan Thương mại và Phát triển Hoa Kỳ (USTDA) với giá trị gần 01 triệu USD cho Công ty tư vấn DNV của Hoa Kỳ lập FS và dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2018.

04



DỰ ÁN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2

Đây là dự án thủy điện nhỏ được Công ty phát triển tại tỉnh Yên Bái với công suất: 14,1MW và tổng mức đầu tư khoảng 509 tỷ đồng. Hồ sơ bổ sung quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt, đang thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư cho dự án. Công tác lập FS đã hoàn thành cơ bản. Hiện nay đang đàm phán với Công ty Thủy điện Thác Bà để thúc đẩy dự án.

05



DỰ ÁN XÂY DỰNG TÒA NHÀ VĂN PHÒNG PECC2 TẠI 32 NGÕ THỜI NHIỆM

Ủy Ban Nhân dân Thành phố đã cấp phép quy hoạch cho dự án, Công ty đã tổ chức lựa chọn Tư vấn thiết kế kiến trúc cho dự án. Công ty cũng đã chuẩn bị cho công tác mặt bằng khởi công dự án với mục tiêu khánh thành tòa nhà vào Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu chính	Tỷ VNĐ		
	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng Giảm
Tổng giá trị tài sản	1.561	1.460	7%
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (*)	1.838	1.646	12%
Doanh thu tài chính	38	24	157%
Thu nhập khác	0,6	1,6	39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	236	114	107%
Lợi nhuận khác	-1,3	1,1	-211%
Lợi nhuận trước thuế	268,6	125	114%
Lợi nhuận sau thuế	214	99	116%
Tỷ lệ trả cổ tức	110%	25%	

(*): Trong đó Doanh thu hoạt động SXKD chính 2017 là 1.837,4 tỷ đồng

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu chính	Tỷ VNĐ		
	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng Giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,46	1,31	11,41%
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,19	0,8	48,58%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,79	-14,38%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,11	3,82	-44,77%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	3,67	4,75	-22,84%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,18	1,13	4,41%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,67%	6,04%	93,2%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	42,75%	32,85%	30,13%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	13,73%	6,81%	101,72%
Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	12,86%	6,92%	85,82%



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	: 5.863.470 cổ phần
Loại cổ phần	: Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: Không
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	: 5.863.470 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần lưu hành là 11.726.940 cổ phần được nắm giữ bởi các thành phần cổ đông như bảng sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.009.334	51,32
Các cổ đông thể nhân khác	2.854.136	48,68
TỔNG CỘNG	5.863.470	100

PHÂN LOẠI THEO CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

Chỉ tiêu	Trong nước (Cổ phần)	Nước ngoài (Cổ phần)	Tổng Cổ phần
Tổ chức	3.808.665	800.267	4.608.932
Cá nhân	1.219.531	35.007	1.254.538

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có



**PECC2 ĐÃ THỰC HIỆN
NHIỀU BIỆN PHÁP ĐỒNG
BỘ VÀ LUÔN TUÂN THỦ
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT
LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ISO
14001:2004.**

Việc cải thiện điều kiện môi trường làm việc luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm, chú trọng và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của NLD trong vấn đề bảo vệ môi trường. Bằng các hành động cụ thể, PECC2 đã thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ như cải tạo cảnh quan sân, cổng, cải tạo hội trường và các phòng họp theo kiến trúc mới tạo không gian thoáng đãng, thân thiện; tăng cường công tác vệ sinh để giữ gìn sạch sẽ các hành lang, lối đi, sảnh chờ, phòng họp và phòng làm việc, quy định hạn chế khu vực hút thuốc trong các tòa nhà; thường xuyên kiểm tra thiết bị vệ sinh, thay

thế kịp thời các thiết bị mới có công nghệ cải tiến khi thiết bị cũ hư hỏng, hoen ố, từng bước cải thiện quy cách vệ sinh công sở cũng như dán nhãn nhận biết thiết bị, lắp đặt biển báo, biển hướng dẫn sử dụng nước, nguồn nước, điện, nguồn điện để tiết kiệm năng lượng; trang bị thùng rác có dán nhãn phân loại rác thải sinh hoạt, rác tái chế và rác không tái chế, trang bị tủ riêng chuyên chứa các loại rác thải nguy hại môi trường, tuân thủ Hệ thống Quản lý Chất lượng Môi trường ISO 14001:2004. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời. Những mảng cây xanh nhỏ được các đơn vị cố gắng bố trí xen kẽ trong những không gian làm việc, dọc các lối đi, ...

CÔNG TY CŨNG ĐÃ BAN HÀNH “QUI ĐỊNH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG” 416/QĐ-TV2 NGÀY 10/5/2016, NHẤN MẠNH ĐẾN VIỆC BẢO VỆ, GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG XANH – SẠCH – ĐẸP, VĂN MINH, XÂY DỰNG Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NÂNG CAO HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu được PECC2 sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật về môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN, NƯỚC

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác văn phòng chiếu sáng, các thiết bị văn phòng và điều hòa không khí ...

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sản phẩm này: không có.

Lượng nước sử dụng cho mục đích nhu cầu sinh hoạt cho văn phòng hoạt động do đó không có tổng lượng nước tái chế sử dụng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chấp hành, thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan, Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm, không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường xung quanh khu vực làm việc cũng như các dự án đang thực hiện. Trong quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường xung quanh khu vực làm việc cũng như các dự án đang thực hiện.

Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, PECC2 thường xuyên phối hợp cùng đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát quan trắc môi trường không khí, khí thải hàng quý và thông qua các đợt kiểm tra, PECC2 luôn được đánh giá cao việc tuân thủ các quy định, đến thời điểm hiện nay, PECC2 chưa bị phạt vi phạm môi trường của cơ quan chức năng. Bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, PECC2 thường xuyên tuyên truyền và ban hành các quy định về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và bảo vệ môi trường cho toàn thể NLD trong Công ty.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ cho NLĐ theo đúng quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể và quy định của pháp luật. Tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% NLĐ.

Hằng năm, Công ty đã tiến hành việc khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ nhằm phân loại sức khỏe, phát hiện và chữa bệnh nghề nghiệp cho NLĐ và trang bị bảo hộ lao động cho NLĐ công tác tại công trường đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho NLĐ.

Công ty luôn quan tâm, chú trọng và coi việc tổ chức Hội nghị người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng của doanh nghiệp. PECC2 đã xây dựng

Quy định về tổ chức Hội nghị Người lao động nhằm đảm bảo công tác tổ chức Hội nghị Người lao động tại đơn vị được thực hiện đúng theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo phát huy quyền dân chủ trực tiếp của NLĐ, tạo điều kiện cho NLĐ được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời giúp NLĐ biết và thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Công ty, góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

Hằng năm, Công ty phối hợp với Công đoàn để tổ chức những kỳ nghỉ mát, du lịch cho NLĐ PECC2 nhằm tăng cường sự đoàn kết, cơ hội nghỉ ngơi sau những ngày làm việc.

Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc, an toàn và hiệu quả ở tất cả công trình mà Công ty thực hiện

PECC2 KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO THU NHẬP, ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN ĐỂ TẠO ĐỘNG LỰC VÀ MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG CÔNG TY NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2017 PECC2 đã tổ chức được 142 chương trình đào tạo, trong đó có 48 chương trình đào tạo nội bộ.

Công tác đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ quản lý cũng được chú trọng, bên cạnh cán bộ tham gia các chương trình đào tạo Thạc sỹ quản trị kinh doanh và Quản lý dự án, Công ty đã cử thêm cán bộ tham gia các chương trình như: Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh, Năng lực quản lý cho cán bộ cấp trung, để nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động xã hội. Hoạt động tư vấn không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, mang lại lợi ích cho Chủ đầu tư mà còn đem lại lợi ích bền vững cho cộng đồng PECC2 tích cực tham gia các hoạt động tài trợ nhân đạo thiết thực với phương châm “Chung tay vì sự phát triển cộng đồng”, cụ thể như sau:

- 1** Đảng ủy, lãnh đạo PECC2 các tổ chức đã tham gia chương trình hỗ trợ các huyện nghèo của Chính phủ; PECC2 đã quyên góp từ lương của NLĐ đóng góp lên quỹ Tương trợ Xã hội của Tập đoàn 130 triệu đồng; Đồng thời vào dịp Tết Nguyên đán hàng năm, tặng quà cho gia đình nghèo, chính sách tại địa phương nhiều phần quà thiết thực, ý nghĩa...
- 2** Tặng cho các em mồ côi, khuyết tật tại Mái ấm tình thương Thiện Duyên – Củ Chi 9 bộ máy vi tính để học tập; tặng các bệnh nhân ung bướu 50 triệu đồng, hội người mù thành phố Hồ Chí Minh 20 triệu đồng;
- 3** Hỗ trợ đồng bào miền Nam Trung bộ và các tỉnh Tây Nguyên bị thiệt hại do bão lũ 100 triệu đồng; Tặng 5 căn nhà tình nghĩa cho tỉnh Quảng Trị trị giá 250 triệu đồng;
- 4** Công ty và Công đoàn đã phối hợp thành lập Quỹ Tấm lòng vàng PECC2 để hỗ trợ cho NLĐ Công ty gặp hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo. Trong năm 2017, tính đến nay đã hỗ trợ cho 29 trường hợp với tổng số tiền là 137.000.000 đồng.



PECC2 và PACIFIC chung tay cùng Quỹ Hỗ trợ Phòng tránh Thiên tai Miền Trung

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

50 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

52 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2017

62 Kế hoạch phát triển

66 Đánh giá của Hội đồng Quản trị
về các mặt hoạt động của công ty



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH**

TRONG NĂM 2017, NỀN KINH TẾ TRONG NƯỚC MẶC DÙ ĐÃ CÓ TÍN HIỆU PHỤC HỒI TỐT, NHƯNG VIỆC THU XẾP ĐỦ VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGÀNH ĐIỆN VẪN LÀ BÀI TOÁN KHÓ KHĂN. CÁC CHỦ ĐẦU TƯ, DO KHÓ KHĂN VỀ VỐN, NÊN VIỆC THANH TOÁN CÁC KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT THIẾT KẾ HOÀN THÀNH CHẬM, DẪN ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC CÂN ĐỐI TÀI CHÍNH VÀ TRIỂN KHAI CÁC KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY.



TỔNG DOANH THU 2017

1.876

TỶ VNĐ

ĐẠT 103% SO VỚI KẾ HOẠCH

Việc mở rộng thị trường và khách hàng mới có phong cách quản lý khác so với khách hàng truyền thống nên các đơn vị bị động và gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện. Bên cạnh đó nguồn vốn một số dự án không được bố trí đầy đủ, rất nhiều dự án hoàn thành công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng không được trình phê duyệt hoặc chủ đầu tư ngừng dự án và không hợp tác gây khó khăn cho công tác nghiệm thu thanh toán và thanh lý hợp đồng cũng như thu hồi công nợ; Ngoài ra, với yêu cầu về môi trường ngày càng cao nên các dự án điện than đang bị xã hội phản đối cũng đã có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tìm kiếm việc làm mới cũng như triển khai các dự án nhiệt điện là lĩnh vực Công ty có thế mạnh hiện nay.



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2017

268,6

TỶ VNĐ

ĐẠT 214% SO VỚI KẾ HOẠCH

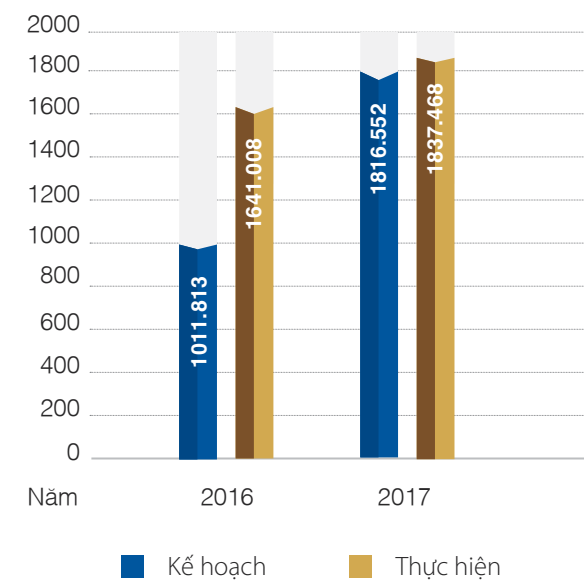
Đối với việc phát triển thị trường ở Myanmar có một số khó khăn hạn chế như (i) chính sách, luật pháp, qui định của Myanmar chưa ổn định, mặc dù đất nước có nhiều tiềm năng về phát triển điện năng tuy nhiên các kế hoạch về vốn và kế hoạch phát triển chưa ổn định dẫn đến hàng loạt các dự án điện bị đình trệ (ii) Chính phủ hầu như không có chính sách bảo đảm cho các nhà đầu tư, đa phần là do các nhà đầu tư tự tìm hiểu, tự lập kế hoạch rồi trình cho Chính phủ xem xét phê duyệt. Thời gian phê duyệt thường kéo dài, nhiều dự án vẫn đang trong quá trình chờ duyệt hơn nhiều năm nay; Bên cạnh đó,

vấn đề thanh toán tại Myanmar cũng sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các công ty nước ngoài vì Chính phủ chỉ thanh toán bằng đồng tiền Myanmar, không phải bằng ngoại tệ như thông lệ quốc tế.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo và định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên có tinh thần làm việc chủ động, sáng tạo, nỗ lực phát huy khả năng để khắc phục khó khăn, biến thách thức thành cơ hội của Công ty trong sản xuất kinh doanh. Tính đến 31/12/2016, Công ty đã đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2017

DVT: TỶ VNĐ



Việc tăng trưởng doanh thu từ 2014 đến nay chủ yếu do việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh EPC trong đó không chỉ nhận phần việc thiết kế (E) mà cả lĩnh vực gia công chế tạo thiết bị do CN Xí nghiệp Cơ điện thực hiện;

Để đáp ứng được yêu cầu thiết kế EPC, Công ty đã đầu tư trang bị các phần mềm thiết kế chuyên dụng để có thể tương tác được trên cơ sở dữ liệu từ các nhà sản xuất theo chuẩn mực Quốc tế; bên cạnh đó công ty

LAO ĐỘNG
769
NGƯỜI

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
1.000
TỶ VNĐ

TỔNG TÀI SẢN
1.561
TỶ VNĐ

cũng đào tạo đội ngũ kỹ sư đạt chuẩn ASEAN để có thể khai thác tối đa các tiện ích của phần mềm vào công tác thiết kế cũng như đủ trình độ làm việc với các chuyên gia trong và ngoài nước;



CÔNG TÁC KHẢO SÁT THIẾT KẾ VÀ TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN

1 LĨNH VỰC TƯ VẤN NHIỆT ĐIỆN

Với đội ngũ kỹ sư trẻ được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên môn và khả năng ngoại ngữ, năng động trong công việc, Công ty đã thực hiện hầu hết khối lượng công việc của các dự án đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của các Chủ đầu tư, tập trung chủ yếu vào các mảng như sau:

- Cung cấp dịch vụ Tư vấn lập Quy hoạch, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo dự án đầu tư;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn quản lý dự án (PMC) cho dự án NMD Vĩnh Tân 1
- Thiết kế chi tiết, giám sát thi công, commissioning cho các dự EPC Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng;
- Phê duyệt thiết kế và giám sát thi công (dự án NMD Duyên Hải 3 mở rộng)
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn lập Quy hoạch, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo dự án đầu tư cho nhiều dự án NMD không chỉ của EVN mà còn cho các CĐT đang phát triển dự án BOT tại Việt Nam.

CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN HẦU HẾT CÁC CÔNG TÁC TƯ VẤN KỸ THUẬT - QUẢN LÝ TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN, NẮM BẮT VÀ HIỂU RÕ NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG NHẪM MANG LẠI CÁC GIÁ TRỊ CÓ TÍNH CHIẾN LƯỢC LÂU DÀI.

Phối cảnh Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân



2 LĨNH VỰC TƯ VẤN THỦY ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO



Nhà máy Thủy điện Trị An

Năm 2017 các dự án thủy điện vẫn chưa được các địa phương ủng hộ nhất là dự án có ảnh hưởng đến đất rừng do đó thị trường càng thu hẹp và khó khăn. Tuy nhiên với trào lưu đầu tư vào Năng lượng tái tạo đặc biệt là Điện mặt trời đã thúc đẩy thị trường tư vấn sôi động nhưng bên cạnh đó cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về năng lực nhà đầu tư. Với đội ngũ nhân sự tuy non trẻ về kinh nghiệm Năng lượng mặt trời nhưng đầy nhiệt huyết và được hỗ trợ bởi những chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy điện đã tương hỗ cho nhau để tạo ra đội ngũ kỹ sư đủ đảm đương các dự án năng lượng mới với công nghệ phù hợp.

Vào đầu năm 2017, Trung tâm tư vấn Thủy điện và Năng lượng tái tạo (TTĐ) đã tập trung triển khai thiết kế kỹ thuật dự án Nậm Mô 1, Tuy nhiên do vướng thủ tục pháp lý của chủ đầu tư nên công tác này đã phải dừng lại từ tháng 4/2017. Đây là một ảnh hưởng rất lớn đến TTĐ trong năm 2017. Tuy nhiên với tính chủ động và linh hoạt cao, TTĐ vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch với các dự án chính như sau:

- Thiết kế kỹ thuật dự án thủy điện Đam Bri 1; Báo cáo NCKT dự án thủy điện Bảo Lâm; Báo cáo NCKT dự án thủy điện Trị An mở rộng; Báo cáo NCKT Dự án mở rộng

lưu vực bổ sung nước cho Công trình thủy lợi – thủy điện Quảng Trị; Lập lại các quy trình vận hành hồ chứa các dự án thủy điện Trị An, A Vương, Đồng Nai 3&4, Thác Mơ; Hoàn thành công tác kiểm định an toàn đập thủy điện Huội Quảng.

- Hoàn thành các hồ sơ quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Bình Thuận, tỉnh Bình Phước; Hoàn thành các Báo cáo đánh giá tiềm năng dự án điện mặt trời và điện gió tại tỉnh Sóc Trăng của Chủ đầu tư BANPU; Hoàn thành lập báo cáo bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời: Trên hồ thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Shar, Srepok 3; TTDL Vĩnh Tân; Điện mặt trời Vĩnh Tân; Sơn Mỹ 3-1 và 3-2; Bình An; Lộc Thạnh; Lộc Ninh 1; Hoàn thiện lập báo cáo NCKT dự án điện mặt trời Sơn Mỹ 3-1.

NHÌN CHUNG TRONG NĂM 2017, CÁC HỒ SƠ THIẾT KẾ CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC THỦY ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC CÁC YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG VÀ TẠO ĐƯỢC UY TÍN CAO ĐỐI VỚI CÁC CHỦ ĐẦU TƯ.

CÔNG TÁC KHẢO SÁT THIẾT KẾ VÀ TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN (tiếp theo)

3 LĨNH VỰC TƯ VẤN LƯỚI ĐIỆN

Năm 2017, Công ty đã ký kết được trên 80 HĐ mới cho lĩnh vực lưới điện, trong đó các dự án trọng điểm của EVN/ NPT chiếm tỉ trọng lớn nhất bao gồm:

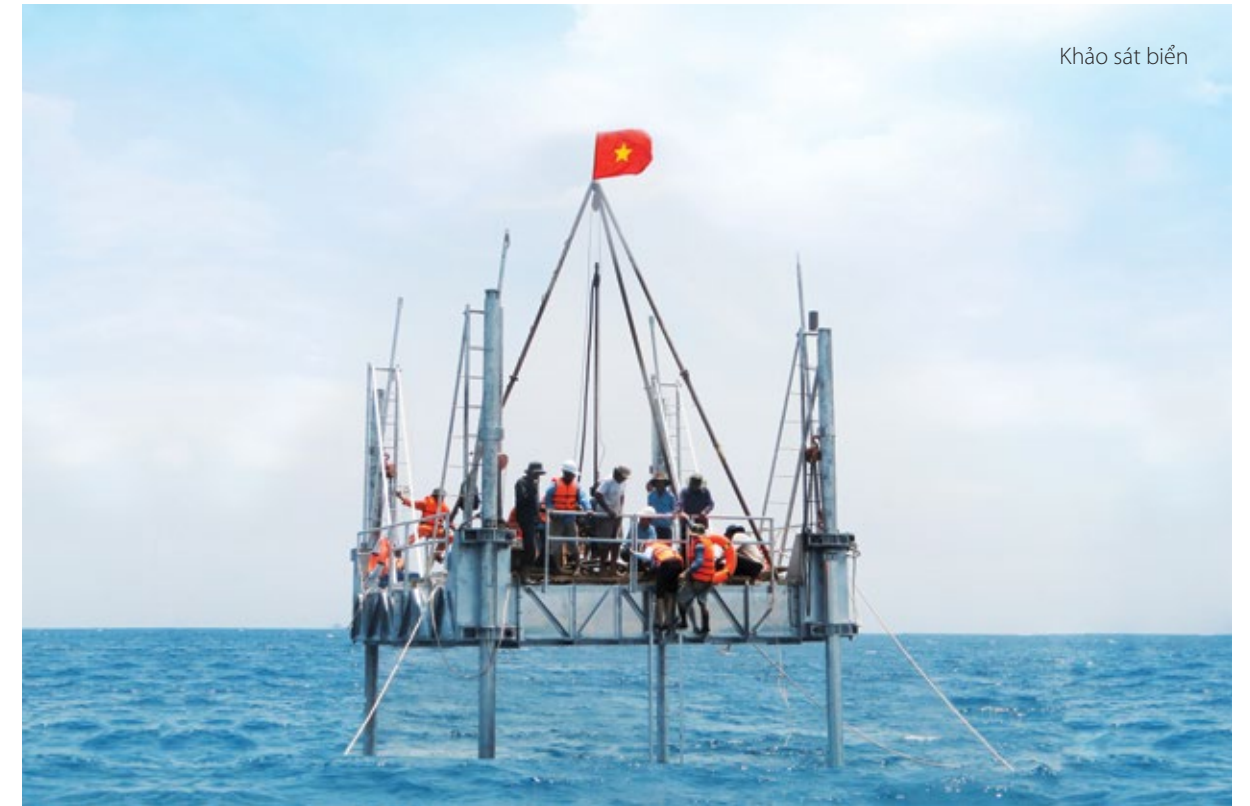
- ĐD 500kV Dốc Sỏi-Pleiku 2;
- ĐD 500kV Vũng Áng-Quảng Trạch và SPP 500kV Quảng Trạch;
- ĐD 500kV Củ Chi-rẽ Chơn Thành-Đức Hòa;
- TBA 500kV Củ Chi và ĐD đấu nối;
- ĐD 220kV Kiên Bình-Phú Quốc.

CÁC DỰ ÁN ĐỀU ĐƯỢC HOÀN THÀNH TIẾN ĐỘ THEO ĐÚNG YÊU CẦU CỦA HĐ. BÊN CẠNH ĐÓ CÔNG TY CŨNG QUYẾT LIỆT TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG THIẾT KẾ 3D CHO TRẠM BIỂN ÁP SAU KHI ĐÃ THẤY RÕ LỢI ÍCH KHI ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ NÀY ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY TỪ NĂM 2016



Đường dây 22kv Kiên Hải - Hòn Tre

4 LĨNH VỰC KHẢO SÁT



Khảo sát biển

CÔNG TY XÁC ĐỊNH NĂM 2017 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO CẦN TẬP TRUNG TÁI CƠ CẤU ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC KHẢO SÁT

Đặc biệt là kiểm soát chất lượng và rủi ro trong triển khai thực hiện tại các dự án. Công ty cũng định hướng mở rộng thị trường ra các nước Asean và lĩnh vực kinh doanh, đây là bước đi dài cần phải có đầu tư về chiều sâu nhất là trang thiết bị và tính chủ động, trách nhiệm từ cấp lãnh đạo đến nhân viên và công nhân. Do đó trong giai đoạn hiện nay, Công ty tìm kiếm và tham gia đấu thầu công tác tư vấn giám sát tại các dự án để giao cho chi nhánh xí nghiệp Khảo sát thực hiện trên cơ sở kinh nghiệm từ công tác giám sát EPC tại Trạm cắt 500kV Vĩnh Tân

đã hoàn thành từ đó xây dựng lực lượng kỹ sư có thể đảm đương nhiệm vụ chỉ huy trường công trường.

Với mục tiêu và định hướng như trên, trong năm 2017, bên cạnh triển khai công tác khảo sát cho hơn 100 hợp đồng mới, Công ty đã ký được 01 hợp đồng khảo sát với khách hàng ngoài EVN với giá trị hợp đồng trên 10 tỉ và hơn 03 hợp đồng tư vấn giám sát các dự án trạm biển áp. Đây là nỗ lực rất lớn từ các cấp quản lý và người lao động để đảm bảo năm 2017 đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Trong năm 2017, tổng Tài sản và Nguồn vốn của PECC2 tăng từ 1.460 tỷ đồng năm 2016 lên 1.561 tỷ đồng năm 2017 và tăng 7% so với năm 2016.

Trong đó, Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 83,32% tổng Tài sản, bao gồm: khoản phải thu ngắn hạn (17,18%), tiền các khoản tương đương tiền (9,79%), đầu tư tài chính ngắn hạn (40,6%), hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác (15,74%)

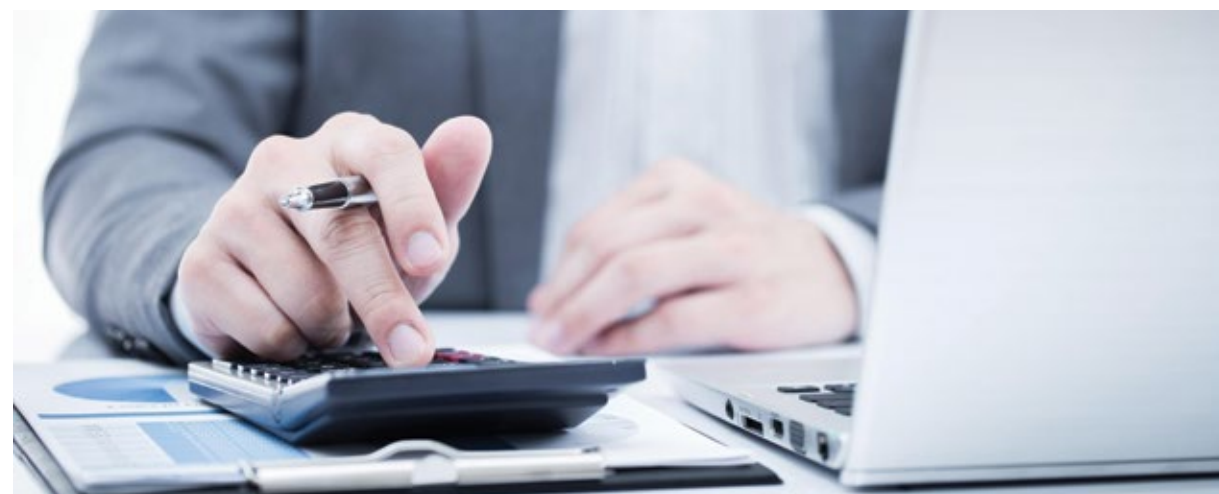
Tình hình nợ phải trả

Theo cơ cấu Tổng nguồn vốn năm 2017, Nợ phải trả 1.059,768 tỷ đồng chiếm 67,87% Tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn 890,273 tỷ đồng (chiếm 57,02%), nợ dài hạn 169,494 tỷ đồng (chiếm 10,86%).

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của PECC2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 501.661.009.605 đồng, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ
	2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.634.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.922.641.050
Vốn khác của chủ sở hữu	12.641.457.169
Quỹ đầu tư phát triển	77.884.831.988
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	347.521.423.801

So với Vốn chủ sở hữu của PECC2 tại ngày 31/12/2016 là 302.683.896.589 đồng, năm 2017 đã tăng 198.977.113.016 đồng so với năm 2016, tương ứng tăng 65,74%.



TỔNG TÀI SẢN
VÀ NGUỒN VỐN NĂM 2017
1.561
TỶ VNĐ
↗ 7% SO VỚI NĂM 2016

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Đào tạo Văn hóa Doanh nghiệp - Kỹ năng quản lý thời gian

Về công tác hành chính

- Tiếp tục chấn chỉnh quản lý, thực hiện kỷ luật lao động tại các đơn vị, với tinh thần nêu cao ý thức tự giác, trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định, quy trình, nội quy lao động.
- Cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung phải biết quản trị bản thân, phát triển năng lực quản trị cho cán bộ quản lý cấp dưới, tạo lòng tin và sự tin nhiệm trong đội ngũ.
- Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý về công bố thông tin thành lập Văn phòng Đại diện của Công ty tại Myanmar, thành lập Ban QL xây dựng văn phòng PECC2; sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Chi nhánh XNKS và Ban Quản lý dự án EPC.

Về tổ chức nhân sự

Công ty phát triển và duy trì đội ngũ nhân sự trên cơ sở nguyên tắc sau:

- Lấy con người làm trọng tâm; con người là một nguồn lực cần thu hút, phát triển và đầu tư;
- Tạo môi trường làm việc phù hợp và thỏa mãn hợp lý các nhu cầu của nhân viên thông qua việc thiết lập và vận hành qui trình, hệ thống, cơ chế chính sách;
- Năm 2017, Công ty đã tuyển dụng 62 NLD bổ sung kịp thời cho các đơn vị. Giải quyết cho 83 NLD nghỉ việc (thôi việc: 66 người, hưu trí: 17 người). Tổng số lao động toàn Công ty tính đến tháng 12/2017 là 769 người trong đó có chuyên gia nước ngoài đang làm việc tại Trung tâm Nhiệt điện và XNCD.
- Đưa vào vận hành Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs); Xây dựng và ban hành Thang lương, bảng lương áp dụng tại PECC2

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ
CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (tiếp theo)

Về công tác tài chính kế toán

- Giao Kế hoạch tài chính năm 2017 cho Chi nhánh XNKS, XNCD và các đơn vị khoán.
- Hoàn thành báo cáo tài chính 2016 sau kiểm toán, quyết toán thuế TNDN và TNCN năm 2016, công bố thông tin đúng theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Chi cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt và cổ phiếu cho các cổ đông theo đúng tiến độ quy định hiện hành.
- Cân đối tài chính: Nhờ các kết quả đạt được do sản xuất kinh doanh hiệu quả, giá trị vốn bằng tiền của Công ty luôn duy trì ở mức cao; đồng thời dòng tiền được quản lý một cách hiệu quả và an toàn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo các khoản tiền gửi kỳ hạn luôn ở mức an toàn tối ưu và linh hoạt, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm.

Về công tác kế hoạch

Năm 2017, Công ty đã nỗ lực xây dựng chiến lược kinh doanh 2017-2025 trên cơ sở xác định rõ tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của Công ty. Công ty xem xét đánh giá phần việc nào mang lại lợi nhuận cao nhất và phần việc nào Công ty có thể làm tốt nhất từ đó phân bổ nguồn lực và điều chỉnh cơ chế quản trị điều hành sản xuất phù hợp.

Một số phần việc khác đã được triển khai đồng bộ với các bộ phận quản lý như sau:

- Đưa vào vận hành chương trình xác nhận doanh thu trên hệ thống web nội bộ đảm bảo chính xác và giúp truy xuất BC doanh thu kịp thời theo yêu cầu;
- Triển khai công tác chăm sóc khách hàng theo định hướng chiến lược trên nền tảng văn hóa Công ty;
- Quản lý công tác nghiệm thu thanh toán theo đúng kế hoạch doanh thu được giao;
- Soạn thảo và trình ban hành hành " Quy định công tác phối hợp thực hiện gói thầu EPC và gói thầu tại thị trường nước ngoài".



Đào tạo kỹ năng Thuyết trình

Về công tác nghiên cứu khoa học

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị triển khai các đề tài NCKH theo Quyết định 430/QĐ-TV2

Tổ chức Báo cáo nghiệm thu 2 Đề tài NCKH:

- Cẩm nang thiết kế phần Xây dựng các Nhà máy Nhiệt điện;
- Cẩm nang Hướng dẫn Lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường các nhà máy Nhiệt điện.

Phê duyệt triển khai thực hiện 03 Cẩm nang địa chất công trình:

Đã thực hiện đánh giá HTQLCL bao gồm Đánh giá nội bộ và đánh giá của Quacert.



Hội nghị Nghiên cứu Khoa học



Về hệ thống CNTT

- Đảm bảo vận hành hệ thống mạng máy tính và các chương trình quản lý, phần mềm kế toán đáp ứng yêu cầu công tác quản lý điều hành;
- Trang bị các phần mềm chuyên ngành cho thiết kế nhu: quản lý tài liệu dự án DMS của Intergraph, Tekla;
- Triển khai phần mềm vận hành hệ thống KPI, website công ty.

Công tác An toàn VSLĐ, PCCN và phòng chống bão lụt

- Triển khai thực hiện kiểm tra định kỳ công tác AT-VSLĐ theo kế hoạch tại Công ty và hai Chi nhánh; Tổ chức tốt tháng Hành động AT-VSLĐ lần 1/2017. Năm 2017, đã không để xảy ra sự cố cháy nổ;
- Tổ chức kiểm tra và duy tu bảo dưỡng các trang thiết bị PCCN; kiểm tra hệ thống điện khi có sự cố hoặc cúp điện;
- Phối hợp cùng với Công an PCCC Quận 1- 3 triển khai lập lại phương án chữa cháy & cứu nạn – cứu hộ theo Thông tư 66/TT- BCA của Công an PCCC Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trong năm 2017, đã phối hợp với Công an PCCC huấn luyện công tác cho đội PCCC của Công ty.



Huấn luyện Phòng cháy Chữa cháy

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

TẬP TRUNG VÀO GIÁ TRỊ CHO KHÁCH HÀNG, HƯỚNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ TRÊN CƠ SỞ PHÁT HUY NĂNG LỰC CỐT LÕI.

KHAI THÁC CƠ HỘI (NẮM XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN).



Chủ đề Năm 2018 của PECC2 là “Phát triển nguồn nhân lực” trên cơ sở đổi mới trong quan điểm quản lý nhân sự:

- **Cam kết:** Thúc đẩy và nâng cao sự tận tâm của mọi người đối với công việc thông qua sự cam kết;
- **Năng lực:** Thu hút, gìn giữ và phát triển nhân lực với những năng lực cần thiết trong hiện tại và tương lai; Duy trì đối thoại 2 chiều để khám phá tài năng/ năng lực của nhân viên;
- **Hiệu quả:** Đạt được hiệu quả thông qua đầu tư cho nguồn nhân lực; mở rộng từ muốn làm đến thích làm, từ cam kết đến đam mê để tài năng được phát huy ở mức cao nhất;
- **Thích đáng:** Cân bằng quyền lợi giữa cấp quản lý với nhân viên và giữa các nhóm nhân viên.



NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018

	1	Rà soát lại các thủ tục hợp đồng và tiến độ dự án cấp bách đáp bảo tính pháp lý cho triển khai thực hiện, tập trung lực lượng sản xuất cho các dự án trọng điểm của EVN đảm bảo tiến độ và chất lượng; Bên cạnh đó phải đánh giá lại các dự án có tính khả thu chưa cao hoặc Chủ đầu tư chưa thu xếp vốn để xử lý thủ tục hợp đồng để phân bổ nguồn nhân lực phù hợp giảm áp lực lên lực lượng sản xuất.
	2	Tập trung rà soát, xây dựng các quy trình, quy chế theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch, đảm bảo công tác quản lý đạt hiệu quả cao. Đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
	3	Triển khai công tác đào tạo ứng dụng các phần mềm thiết kế 3D trong lĩnh vực thiết kế nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp mà Công ty đã trang bị cho các đơn vị để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả giúp tăng năng suất lao động giảm thiểu sai sót mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
	4	Thực hiện đề án tái cấu trúc lại tổ chức và nhân sự của XNKS để tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường cho công tác khảo sát ở các nước trong khu vực.
	5	Triển khai thực hiện hệ thống KPIs và thang bảng lương.
	6	Tập trung hoàn thiện hệ thống IT và các chương trình quản lý dự án, quản lý hợp đồng để phù hợp với qui mô phát triển cũng như đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
	7	Quyết liệt thực hiện các dự án đầu tư đã được EVN và HĐQT phê duyệt chủ trương. Đặc biệt là các công tác chuẩn bị cho khởi công xây dựng trụ sở PECC2 tại 32 Ngô Thời Nhiệm.
	8	Quyết liệt thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2018. Giúp cho người lao động có ý thức quan tâm đến mục tiêu và giá trị của Công ty cũng như trách nhiệm xã hội; Văn hóa công ty sẽ hướng đến giá trị nhân văn và thông qua công cụ truyền thông xã hội sẽ biến văn hóa công ty thành thương hiệu đồng thời qua đó thu hút nhân tài cho Công ty.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2018

TIẾP TỤC PHÁT HUY CÁC KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA, KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA PECC2 NHƯ SAU:





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Ban điều hành theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Mặc dù nền kinh tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ giao.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thường xuyên duy trì giám sát đối với Ban điều hành thông qua kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

Năm 2017 là năm có nhiều khó khăn nhưng với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, bám sát nhiệm vụ chính là thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

HĐQT chỉ đạo sửa đổi và bổ sung nhiều quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành, áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các biện pháp quản lý tiên tiến vào

các hoạt động sản xuất và quản lý của Công ty; tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, tiếp xúc và giải quyết tốt hơn các yêu cầu từ phía khách hàng từ đó làm cho mối quan hệ hợp tác giữa Công ty và các chủ đầu tư được cải thiện.

Ban điều hành đã duy trì tốt lịch trình sinh hoạt hàng tuần, tháng, quý, năm và nội dung các cuộc họp, hội nghị tổng kết, ... đã được cải thiện theo chiều hướng hiệu quả hơn.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch điều hành SXKD

HĐQT TIẾP TỤC THỰC HIỆN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TIẾP TỤC CHỈ ĐẠO VÀ PHỐI HỢP VỚI BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỂ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017, VỚI CÁC CHỈ TIÊU MÀ ĐHĐCĐ SẼ THÔNG QUA TRONG KỲ ĐẠI HỘI NÀY.

Năm 2018, hoạt động SXKD được dự báo tiếp tục chịu nhiều khó khăn, thử thách và rủi ro lớn. Việc huy động vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực điện tiếp tục gặp nhiều khó khăn... Vì thế, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã cân nhắc, rà soát kỹ sản

lượng của từng đơn vị trong Công ty để chỉ đạo Ban Điều hành tăng cường tìm kiếm thêm việc làm, tăng cường công tác nghiệm thu với mục tiêu chung là phấn đấu để đạt mức cao hơn các chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2017.

Các hoạt động khác

➤ HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty nghiên cứu các phương án để đầu tư trụ sở, đầu tư vào các công trình điện, đặc biệt là các Nhà máy Thủy điện, tìm kiếm cơ hội đầu tư thiết bị công nghệ các dự án lưới điện, đầu tư phát triển năng lượng tái tạo mới như điện gió, mặt trời, sinh khối...

➤ Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy định của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới.

➤ Chỉ đạo việc thực hiện xây dựng Hệ thống mô tả công việc và hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc cho từng vị trí chức danh để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

➤ Giải quyết và ban hành kịp thời các Quyết định, Nghị quyết để Ban Điều hành Công ty làm cơ sở để điều hành tốt các công tác sản xuất kinh doanh, quản lý. Tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

➤ Quản lý tốt công nợ, tiếp tục giảm chi phí và chống lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.

➤ Các nội dung khác trình Đại hội đồng cổ đông.

Biện pháp thực hiện

Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với Ban Điều hành trong việc quản lý Công ty.

Hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành cũng như công tác tìm kiếm công ăn, việc làm.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

Tăng cường giám sát, quản lý tại các Chi nhánh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Hội đồng Quản trị
- 70 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 72 Ban Kiểm soát
- 72 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 76 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ cá nhân (2017)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.496	0,07
2	Trần Quang Lâm	Thành viên HĐQT	4.140	0,07
3	Võ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	0	0
4	Nguyễn Trọng Nam	Thành viên HĐQT	1.983	0,03
5	Trương Khắc Len	Thành viên HĐQT độc lập	10.580	0,18

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và nhiều buổi làm việc, giao ban trực tiếp với Ban Điều hành Công ty nhằm nắm bắt, có các chỉ đạo, ra các Nghị quyết kịp thời liên quan đến chỉ đạo hoạt động SXKD trong năm 2017 và định hướng phát triển dài hạn của Công ty; tiếp tục ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo sự hoạt động hiệu quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đối với công ty niêm yết. HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm của người quản lý Công ty thông qua việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2017 giao cho, SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước và các cổ đông,

hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và đảm bảo Công ty hoạt động đúng quy định của pháp luật;

Các hoạt động của HĐQT đều đúng theo lịch trình để ra mỗi quý họp ít nhất một lần để thảo luận, thông qua các chủ trương lớn và giao nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT trên cơ sở các chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của TGD và Ban Điều hành Công ty phát sinh trong quá trình điều hành SXKD;

Các thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng Công ty nói chung và trong việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân đã được phân công;

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết sau đây:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-TV2	20/1/2017	Về việc mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Trụ sở Công ty 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp. HCM
2	02/2017/NQ-TV2	23/3/2017	Về việc thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện Công ty tại Cộng hòa Liên bang Myanmar
3	03/2017/NQ-TV2	01/4/2017	Về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2016
4	04/2017/NQ-TV2	03/4/2017	Thông qua kế hoạch góp vốn thành lập và cử người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Yên Bình
5	05/2017/NQ-TV2	01/6/2017	Thông qua kết quả phát hành và niêm yết bổ sung cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2016
6	06/2017/NQ-TV2	12/6/2017	Ký hợp đồng kiểm toán
7	07/2017/NQ-TV2	28/7/2017	Công tác đầu tư dự án; Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng bản; Các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
8	08/2017/NQ-TV2	22/9/2017	Công tác tổ chức nhân sự
9	09/2017/NQ-TV2	22/11/2017	Thông qua kế hoạch góp vốn thành lập và cử người đại diện ứng cử vào HĐQT Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Sơn Mỹ
10	10/2017/NQ-TV2	24/11/2017	Bổ sung kế hoạch tổng thể thực hiện các hạng mục công việc được phân chia theo Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 MR
11	11/2017/NQ-TV2	11/12/2017	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc tại 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TPHCM
12	12/2017/NQ-TV2	29/12/2017	Tổng kết thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2017 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ cá nhân (2017)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát		
2	Võ Duy Bách	Thành viên BKS		
3	Trần Thị Hòa	Thành viên BKS	14.524	0,248

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của BKS Công ty, Điều lệ Công ty và theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Công tác triển khai việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội

đồng quản trị (HĐQT) phê duyệt. Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua các Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kiểm tra giám sát, thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) quý/năm, việc thực hiện các quy định, quy trình,... đồng thời đóng góp ý kiến trong công tác quản trị tại Công ty.

Các cuộc họp chính của BKS trong năm 2017 như sau:

STT	Ngày	Nội dung
		Thông qua kế hoạch hoạt động của BKS năm 2017;
1	20/03/2017	Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS; Chuẩn bị kế hoạch thực hiện kiểm soát trực tiếp, thẩm định BCTC năm 2016; Thống nhất báo cáo kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2017.
2	10/05/2017	Xem xét đánh giá một số nội dung, chỉ tiêu chính trong BCTC Quý 1/2017; Thống nhất lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2017; Thẩm định BCTC bán niên năm 2017 đã soát xét, lập kế hoạch kiểm soát trực tiếp toàn diện các mặt hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2017;
3	29/08/2017	Tham gia công tác tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2017, bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, đảm bảo việc tổ chức ĐHCĐ theo đúng quy định hiện hành hiện hành.
		Xem xét BCTC Quý 3 năm 2017 và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2017 của Công ty;
4	24/12/2017	Xem xét đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017; Chuẩn bị kế hoạch thực hiện kiểm soát năm 2017 và báo cáo kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2018.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp; Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

đôi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo thẩm định báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo sản xuất kinh doanh (SXKD), tình hình quản trị công nợ.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm: Theo

SAU MỖI CUỘC KIỂM SOÁT ĐỀU CÓ BIÊN BẢN LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT GHI NHẬN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT NHẪM ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY.





HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát như sau:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo quy định;
- Tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất cùng Ban điều hành Công ty;
- Thực hiện giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT;
- Thẩm định BCTC bán niên và cả năm 2017;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017;
- Tổ chức các buổi làm việc trực tiếp của BKS với các phòng ban có liên quan của công ty.

☞ Ngày 11/9-15/09/2017: Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017; đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT 6 và 8 tháng năm 2017; rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS tại Biên bản làm việc tháng 3/2017; đánh giá tình hình quản lý, điều hành SXKD 6 tháng năm 2017 của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các nội dung khác có liên quan.

☞ Ngày 31/01/2018-02/02/2018: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT năm 2017, rà soát việc thực hiện các kiến nghị của BKS tại các biên bản làm việc trong năm 2017, đánh giá tình hình quản lý, điều hành SXKD năm 2017 của HĐQT, Ban TGD và các nội dung khác có liên quan.

☞ Tham gia công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên cũng như bất thường năm 2017, đảm bảo việc tổ chức ĐHCĐ theo đúng quy định hiện hành.

☞ Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, BKS cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu với Công ty và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

➤ Thành viên Ban Kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ:

☞ Ngày 03-05/08/2017: Tham gia Hội nghị giao ban công tác kiểm soát và lớp đào tạo tập huấn nâng cao nghiệp vụ Kiểm soát năm 2017 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) tổ chức.

☞ Tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên môn và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

➤ Tham gia hội nghị người đại diện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (cổ đông lớn của Công ty) tại các Doanh nghiệp năm 2017 vào ngày 02/06/2017.



Trong năm 2017, Công ty đã có cố gắng nỗ lực trong tìm kiếm công việc, tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức ĐHCĐ thường niên 2017 giao và cao hơn năm 2016.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT và Ban điều hành

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để thống nhất một số nội dung quan trọng như: xem xét kết quả SXKD, lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch SXKD, công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, công tác quy hoạch đất đai và đầu tư, công tác tổ chức nhân sự, công tác tổ chức các phòng, ban cho phù hợp với tình hình mới,... Ngoài ra, HĐQT còn thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền khác dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền.

Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và lên kế hoạch cho năm 2018, công tác nghiệm thu và thu hồi công nợ, các công tác quản lý và các mặt hoạt động khác. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)
1	Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch	648.000	24.000
2	Võ Quang Lâm	Thành viên		82.800
3	Trần Quang Lâm	Thành viên	558.000	20.700
4	Nguyễn Trọng Nam	Thành viên		82.800
5	Trương Khắc Len	Thành viên		82.800

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	288.000	
2	Võ Duy Bách	Thành viên		48.000
3	Trần Thị Hòa	Thành viên		48.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan (2017):

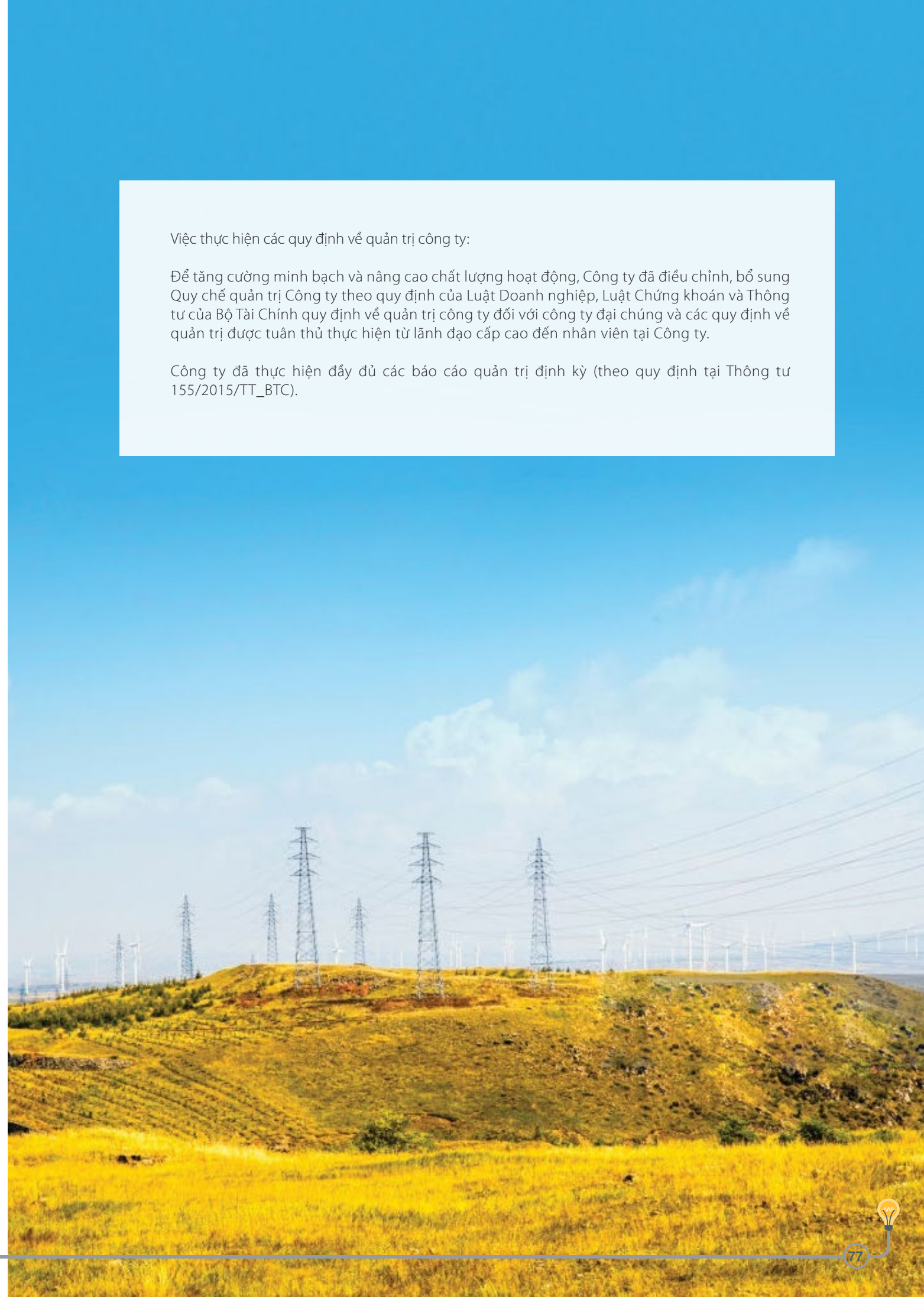
STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng /giảm (mua bán chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Lam Phương	Vợ CT HĐQT	8.910	0,17	25.846	0,4	Mua CP
2	Nguyễn Hải Phú	Phó TGD	2.449	0,04	11.629	0,2	Mua CP
3	Trần Thị Hòa	Thành viên BKS	18.630	0,37	14.524	0,25	Bán CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để tăng cường minh bạch và nâng cao chất lượng hoạt động, Công ty đã điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản trị Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và các quy định về quản trị được tuân thủ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên tại Công ty.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các báo cáo quản trị định kỳ (theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT_BTC).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

- 80 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 82 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 84 Bảng cân đối kế toán tổng hợp
- 86 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 87 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ





Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán từ trang 6 đến trang 46 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Quang Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên
Ông Trương Khắc Len	Thành viên
Ông Trần Quang Lâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên
Ông Võ Duy Bách	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Ngọc Lý.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính kèm theo cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính này. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập Báo cáo tài chính Tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chơn Hùng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, được lập ngày 05/02/2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tụ Trung

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1226-2018-112-1

Nguyễn Thị Thu Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 2277-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY CO., LTD)

Tp. Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018.



VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.300.925.134.277	1.382.275.758.906
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	152.891.916.670	30.905.162.072
Tiền	111		24.741.916.670	19.655.162.072
Các khoản tương đương tiền	112		128.150.000.000	11.250.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		634.000.000.000	594.243.879.629
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	634.000.000.000	594.243.879.629
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.212.449.343	172.605.704.398
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	238.395.107.118	137.905.734.971
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.867.370.917	61.201.712.294
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		294.645.981	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.401.147.534	4.085.485.173
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(36.745.822.207)	(30.588.540.229)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.312.189
Hàng tồn kho	140	11	244.487.607.223	540.554.634.311
Hàng tồn kho	141		244.487.607.223	540.554.634.311
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.333.161.041	43.966.378.496
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.333.161.041	1.489.141.768
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	42.477.236.728
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		260.503.514.858	78.167.226.791
Các khoản phải thu dài hạn	210		161.915.000	227.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	161.915.000	227.100.000
Tài sản cố định	220		190.705.347.461	37.266.638.096
Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.460.563.201	23.922.019.972
- Nguyên giá	222		103.818.319.792	90.510.163.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.357.756.591)	(66.588.143.074)
Tài sản cố định vô hình	227	13	161.244.784.260	13.344.618.124
- Nguyên giá	228		174.478.043.740	19.240.984.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.233.259.480)	(5.896.366.180)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.643.392.348	1.649.876.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	9.643.392.348	1.649.876.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.406.850.600	18.406.850.600
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.406.850.600	18.406.850.600
Tài sản dài hạn khác	260		41.586.009.449	20.616.761.166
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.648.488.760	1.976.409.363
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	39.937.520.689	18.640.351.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.561.428.649.135	1.460.442.985.697

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.059.767.639.530	1.157.759.089.108
Nợ ngắn hạn	310		890.273.258.839	1.053.917.839.640
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	158.260.674.405	218.222.312.932
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		134.938.454.931	339.976.690.484
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	59.519.500.918	25.491.780.050
Phải trả người lao động	314		264.463.201.640	135.132.216.898
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	152.047.950.587	178.618.893.302
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	7.235.887.418
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	17.356.144.870	6.247.754.198
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	34.442.592.821	38.418.102.097
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	53.233.084.472	93.781.364.840
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.011.654.195	10.792.837.421
Nợ dài hạn	330		169.494.380.691	103.841.249.468
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	8.467.172.010	17.482.263.010
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	159.917.174.722	84.818.986.458
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.110.033.959	1.540.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		501.661.009.605	302.683.896.589
Vốn chủ sở hữu	410	22	501.610.484.208	302.633.371.192
Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.634.700.000	50.987.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.634.700.000	50.987.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.922.641.050	4.922.641.050
Vốn khác của chủ sở hữu	415		12.641.457.169	11.783.218.022
Quỹ đầu tư phát triển	418		77.884.831.988	48.912.523.460
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		347.521.423.801	186.022.326.460
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối năm trước	421a		133.070.288.893	86.587.167.545
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		214.451.134.908	99.435.158.915
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.430.200	5.022.200
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.525.397	50.525.397
Nguồn kinh phí	431		50.525.397	50.525.397
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.561.428.649.135	1.460.442.985.697



Nguyễn Chơn Hùng
 Tổng Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán trưởng

Hoàng Thụy Hoài Yến
 Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018



VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.838.030.120.532	1.646.578.474.567
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.838.030.120.532	1.646.578.474.567
Giá vốn hàng bán	11	25	1.440.006.844.646	1.398.127.453.986
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		398.023.275.886	248.451.020.581
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	38.219.108.145	24.428.721.459
Chi phí tài chính	22	27	4.621.264.952	14.164.053.022
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.458.233.799	3.101.826.040
Chi phí bán hàng	25	28	72.207.483.570	67.446.216.584
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	89.418.012.232	67.039.425.763
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		269.995.623.277	124.230.046.671
Thu nhập khác	31	29	646.243.591	1.676.979.824
Chi phí khác	32	30	1.958.112.677	497.615.111
Lợi nhuận khác	40		(1.311.869.086)	1.179.364.713
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		268.683.754.191	125.409.411.384
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	75.529.788.169	37.982.544.738
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(21.297.168.886)	(12.008.292.269)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		214.451.134.908	99.435.158.915
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	36.574	15.273
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	36.574	15.273



Nguyễn Chơn Hùng
 Tổng Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lý
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thu
 Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này

VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		268.683.754.191	125.409.411.384
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.136.157.329	10.043.884.911
Các khoản dự phòng	03		40.707.189.874	129.422.336.665
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.048.808.858)	9.775.011.290
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.071.057.296)	(23.302.773.624)
Chi phí lãi vay	06		4.458.233.799	3.101.826.040
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		294.865.469.039	254.449.696.666
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(59.768.931.525)	59.073.845.981
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		296.067.027.088	(493.016.638.721)
Giảm/tăng các khoản phải trả	11		(147.957.671.173)	549.996.581.290
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.297.352.306	589.368.385
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.475.951.513)	(3.127.943.283)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.948.652.538)	(41.459.345.269)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	754.764.952
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.282.599.205)	(2.037.888.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		324.806.042.479	325.222.441.906
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(178.952.193.329)	(20.301.049.539)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		333.319.865	316.862.572
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(770.200.000.000)	(808.437.291.876)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		730.443.879.629	294.193.412.247
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.828.263.241	22.434.554.922
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(184.546.730.594)	(511.793.511.674)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	VND	
			Năm 2017	Năm 2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.268.507.360
Tiền thu từ đi vay	33		414.920.493.072	337.870.081.677
Tiền trả nợ gốc vay	34		(427.911.093.348)	(324.872.794.444)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.282.222.000)	(4.786.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.272.822.276)	13.479.444.593
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
	50		121.986.489.609	(173.091.625.175)
Tiền và tương đương tiền đầu năm				
	60	5	30.905.162.072	204.385.856.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		264.989	(389.069.084)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	152.891.916.670	30.905.162.072



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

[Signature]

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng

[Signature]

Tạ Đào Hồng Phước
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 28 tháng 06 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.634.700.000 đồng chia thành 5.863.470 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV2.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế, gia công cơ khí, EPC các công trình điện.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng các công trình nguồn điện, thủy lợi và các công trình công cộng, dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện;
- Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường; Nhận thầu khai thác, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh; Tư vấn môi trường; Tư vấn giải pháp công nghệ sản xuất sạch, thiết lập cơ chế sản xuất sạch;
- Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không hoạt động tại TP.HCM);
- Chế tạo thiết bị cơ khí. Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công cột điện các loại, cột ăng ten viễn thông (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (trừ súng đạn, vũ khí thô sơ);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân vận động bóng đá, sân cầu lông, sân bóng bàn, sân bóng chuyền, sân tennis;
- Hoạt động thể thao khác.



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trên 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có công ty con, công ty liên kết liên doanh như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51%	51%
Công ty CP Thủy điện Yên Bình	Khu 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	30%	30%

Tại ngày 31/12/2017, các công ty trên chưa đi vào hoạt động và Công ty chưa thực hiện việc góp vốn vào các công ty này.

Công ty có hai Chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc, gồm:

- Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam
Địa chỉ: 45 Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Chi nhánh Xí nghiệp Cơ Điện
Địa chỉ: 45 Đường số 2, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

Công ty có văn phòng đại diện tại Myanmar, địa chỉ: 9FL,192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon- Myanmar.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu của các Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các chi nhánh, văn phòng trực thuộc. Các nghiệp vụ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các chi nhánh, văn phòng đại diện đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU** (tiếp theo)

Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Một số tài sản cố định hữu hình được khấu hao nhanh 02 lần hoặc 04 lần so với mức thời gian khấu hao thông thường theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
Phần mềm máy vi tính	03 - 05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “Tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính tổng hợp tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

4.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị ghi nhận thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về việc chia cổ tức và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.13 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá là tỷ giá mua chuyển khoản của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tỷ giá ngoại tệ đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ** (tiếp theo)**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hoạt động xây lắp được kết chuyển phù hợp với khối lượng hoàn thành và doanh thu đã ghi nhận. Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế và cơ khí được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với doanh thu ghi nhận.

4.15 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động khảo sát thiết kế, hoạt động gia công cơ khí, hoạt động bán hàng hóa và hoạt động khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị trực thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh và các công ty liên kết của EVN, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Tiền mặt	1.839.608.876	358.496.857
Tiền gửi ngân hàng	22.902.307.794	19.296.665.215
Các khoản tương đương tiền (*)	128.150.000.000	11.250.000.000
CỘNG	152.891.916.670	30.905.162.072

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng, lãi suất từ 4,3% đến 5,5%/năm đối với VND và 0% đối với USD.



6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

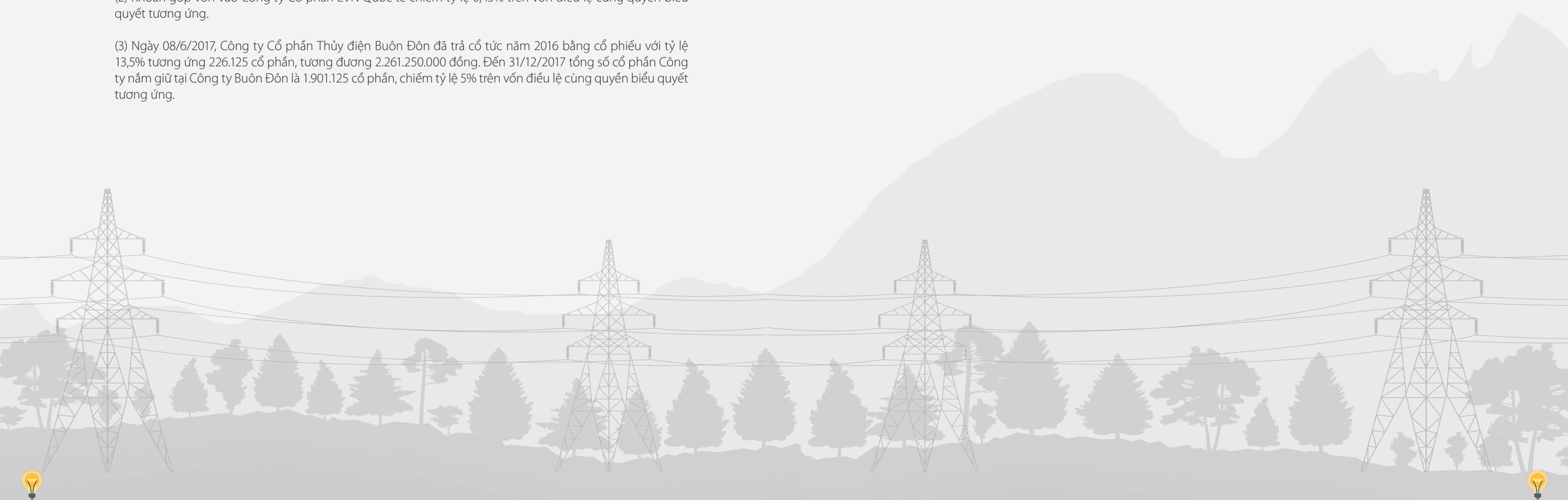
VNĐ

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	634.000.000.000	634.000.000.000	594.243.879.629	594.243.879.629		
	634.000.000.000	634.000.000.000	594.243.879.629	594.243.879.629		
	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào đơn vị khác	18.406.850.600	-	18.406.850.600	18.406.850.600	-	18.406.850.600
+ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (2)	18.406.850.600	-	18.406.850.600	18.406.850.600	-	18.406.850.600
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (3)	1.656.850.600	-	1.656.850.600	1.656.850.600	-	1.656.850.600
	16.750.000.000	-	16.750.000.000	16.750.000.000	-	16.750.000.000

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,3% đến 7,0%/năm.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chiếm tỷ lệ 0,45% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.

(3) Ngày 08/6/2017, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13,5% tương ứng 226.125 cổ phần, tương đương 2.261.250.000 đồng. Đến 31/12/2017 tổng số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Buôn Đôn là 1.901.125 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ cùng quyền biểu quyết tương ứng.



7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	238.395.107.118	137.905.734.971
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	98.115.952.600	-
- Limited liability company "Energoproject Technology"	34.288.125.816	34.371.331.062
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	105.991.028.702	103.534.403.909
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (*)	136.943.384.948	45.166.472.997

(*) Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 37.1 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VNĐ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Ngắn hạn	1.333.161.041	1.489.141.768
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	915.174.754	1.205.714.138
- Các khoản khác	417.986.287	283.427.630
Dài hạn	1.648.488.760	1.976.409.363
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	786.564.525	869.709.926
- Các khoản khác	861.924.235	1.106.699.437
CỘNG	2.981.649.801	3.465.551.131



9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	11.401.147.534	-	4.085.485.173	-
- Tạm ứng	1.285.752.903	-	1.306.431.022	-
- Thu chi hộ nhà thầu phụ Dự án Vĩnh Tân 4	7.673.452.449	-	-	-
- Thu hợp đồng 30/11/2011 (EPT)	499.974.813	-	499.974.813	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	655.233.473	-	805.187.283	-
- Phải thu khác	1.286.733.896	-	1.473.892.055	-
Dài hạn	161.915.000	-	227.100.000	-
- Ký cược, ký quỹ	161.915.000	-	227.100.000	-
CỘNG	11.563.062.534	-	4.312.585.173	-



10. NỢ XẤU

VNĐ

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	55.264.264.735	18.518.442.528	57.392.258.654	26.803.718.425
- Limited liability company "Energoproject Technology"	34.288.125.816	13.115.650.403	34.371.331.062	20.768.673.465
- Thu hộ hợp đồng 30/11/2011 (EPT)	499.974.813	-	499.974.813	-
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	2.869.446.159	825.691.405	1.689.887.009	3.411.077
- Ban QLDA Thủy điện 5	182.442.396	54.732.719	2.777.323.976	776.841.572
- Công ty CP Năng lượng AGRITA - Quảng Nam	438.761.408	143.272.291	438.761.408	143.272.291
- Ban QLDA Thủy điện Đồng Nai 5	3.328.845.389	217.231.461	3.436.478.725	517.630.252
- Các đối tượng khác	13.656.668.754	4.161.864.249	14.178.501.661	4.593.889.768
CỘNG	55.264.264.735	18.518.442.528	57.392.258.654	26.803.718.425

11. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.222.054.568	-	30.784.062.039	-
Công cụ dụng cụ	425.615.995	-	291.837.592	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	227.984.046.194	-	507.603.843.538	-
Hàng hóa	1.855.890.466	-	1.874.891.142	-
CỘNG	244.487.607.223	-	540.554.634.311	-



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	CỘNG
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	25.436.339.377	27.967.461.596	30.785.683.904	5.974.031.737	346.646.432	90.510.163.046
- Mua trong năm	6.785.161.818	6.776.654.820	3.932.404.001	983.806.363		18.478.027.002
- Đầu tư XDCB hoàn thành	910.269.330	-	-			910.269.330
- Thanh lý, nhượng bán	(415.689.020)	-	(1.484.304.161)	(43.565.000)		(1.943.558.181)
- Tăng khác				132.525.892		132.525.892
- Giảm khác	-	(132.525.892)	(3.943.000.000)	(193.581.405)		(4.269.107.297)
Tại 31/12/2017	32.716.081.505	34.611.590.524	29.290.783.744	6.853.217.587	346.646.432	103.818.319.792
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2017	(12.113.082.740)	(25.006.312.258)	(25.247.392.848)	(3.982.642.185)	(238.713.043)	(66.588.143.074)
- Khấu hao trong năm	(5.636.558.624)	(1.466.235.168)	(3.106.341.664)	(1.313.255.333)	(13.146.360)	(11.535.537.149)
- Thanh lý, nhượng bán	415.689.020		1.484.304.161	43.565.000		1.943.558.181
- Tăng khác				(132.525.892)		(132.525.892)
- Giảm khác		132.525.892	1.628.784.046	193.581.405		1.954.891.343
Tại 31/12/2017	(17.333.952.344)	(26.340.021.534)	(25.240.646.305)	(5.191.277.005)	(251.859.403)	(74.357.756.591)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2017	13.323.256.637	2.961.149.338	5.538.291.056	1.991.389.552	107.933.389	23.922.019.972
Tại 31/12/2017	15.382.129.161	8.271.568.990	4.050.137.439	1.661.940.582	94.787.029	29.460.563.201

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 248.000.000 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017: 59.470.927.687 đồng.



13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	CỘNG
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	7.415.748.242	11.825.236.062	19.240.984.304
- Mua trong năm	147.704.992.000	7.832.793.436	155.537.785.436
- Thanh lý, nhượng bán	-	(300.726.000)	(300.726.000)
Tại 31/12/2017	155.120.740.242	19.357.303.498	174.478.043.740
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2017	(429.159.580)	(5.467.206.600)	(5.896.366.180)
- Khấu hao trong năm	(2.321.431.152)	(5.316.188.148)	(7.637.619.300)
- Giảm khác	-	300.726.000	300.726.000
Tại 31/12/2017	(2.750.590.732)	(10.482.668.748)	(13.233.259.480)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	6.986.588.662	6.358.029.462	13.344.618.124
Tại 31/12/2017	152.370.149.510	8.874.634.750	161.244.784.260

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017: 4.524.940.053 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Xây dựng cơ bản dở dang	9.643.392.348	1.649.876.929
- Công trình Thủy điện Long Hà	637.054.091	637.054.091
- Công trình Thủy điện Thác Bà 2	2.179.475.305	512.979.901
- Công trình Điện gió Tân Thuận	2.076.675.618	-
- Công trình điện mặt trời Sơn Mỹ 3	742.087.629	-
- Cụm thủy điện Hà Lâm, Lâm Đồng	374.233.562	-
- Công trình Văn phòng làm việc	3.290.080.871	-
- Công trình Thủy điện Đắk Rông 4	91.262.770	91.262.770
- Công trình khác	252.522.502	408.580.167
CỘNG	9.643.392.348	1.649.876.929

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

VND

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí chênh lệch tạm thời được khấu trừ	39.937.520.689	18.640.351.803



16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	158.260.674.405	158.260.674.405	218.222.312.932	218.222.312.932
- SXED - WIN	66.067.040.614	66.067.040.614	6.365.544.637	6.365.544.637
- Công ty TNHH Siemens	-	-	94.660.710.782	94.660.710.782
- China Ocean Engineering Corporation	13.021.083.996	13.021.083.996	10.149.904.586	10.149.904.586
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	79.172.549.795	79.172.549.795	107.046.152.927	107.046.152.927
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	7.018.128.428	7.018.128.428	18.519.258.202	18.519.258.202

(*) Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 37.1 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	81.207.371.887	72.511.204.669	8.696.167.218
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.916.478.470	11.916.478.470	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.062.999.191	75.529.788.169	51.948.652.538	47.644.134.822
- Thuế thu nhập cá nhân	1.417.289.179	24.117.506.111	22.355.596.412	3.179.198.878
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	803.856.167	803.856.167	-
- Các loại thuế khác	11.491.680	5.351.322.221	5.362.813.901	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.386.251.585	1.386.251.585	-
CỘNG	25.491.780.050	200.312.574.610	166.284.853.742	59.519.500.918



18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Ngắn hạn	152.047.950.587	178.618.893.302
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	259.735.529	277.453.243
- Trích trước chi phí công trình ⁽¹⁾	151.338.103.386	177.941.195.074
- Chi phí phải trả khác	450.111.672	400.244.985
Dài hạn	-	-
CỘNG	152.047.950.587	178.618.893.302

(1) Trong năm, Công ty thực hiện theo Quyết định số 71/QĐ-TV2 ngày 19/01/2017 của Tổng Giám đốc về việc trích chi phí bổ sung dự án EPC-Vĩnh Tân 4 với tổng mức trích dự phòng (bao gồm dự phòng bảo hành) không vượt quá 10% doanh thu dự án để đảm bảo sự phù hợp doanh thu - chi phí với tỷ lệ như sau:

- Chi phí dự phòng cho việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng theo quy định, trích tối đa 10% tính trên doanh thu phát sinh trong năm 2017, tương ứng số tiền 70.385.739.320 đồng.
- Chi phí dự phòng cho việc phạt chậm tiến độ do chủ đầu tư áp dụng theo điều kiện hợp đồng: trích tối đa 10% trên doanh thu các hạng mục của dự án, tương ứng số tiền 70.385.739.320 đồng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

VNĐ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Ngắn hạn	17.356.144.870	6.247.754.198
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.320.624
- Kinh phí công đoàn	511.837.029	1.973.531.328
- Bảo hiểm xã hội	232.606.866	363.674.950
- Bảo hiểm y tế	34.184.026	56.337.194
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.288.009	22.133.862
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.565.228.940	3.826.756.240
+ Đoàn phí công đoàn	304.606.769	1.046.864.026
+ Phải trả cổ tức	592.735.003	776.339.767
+ Khoản nhận đóng góp từ cán bộ công nhân viên	312.586.390	449.586.390
+ Cán bộ công nhân viên góp vốn đầu tư	12.128.200.000	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.227.100.778	1.553.966.057
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
CỘNG	17.356.144.870	6.247.754.198

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

VNĐ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Ngắn hạn	53.233.084.472	93.781.364.840
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	991.035.731	4.385.159.140
- Dự phòng phải trả khác	52.242.048.741	89.396.205.700
Dài hạn	159.917.174.722	84.818.986.458
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	3.920.902.236	-
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	155.996.272.486	84.818.986.458
CỘNG	213.150.259.194	178.600.351.298

- Trong năm 2016, Công ty thực hiện trích chi phí dự phòng phải trả của công trình EPC-Vĩnh Tân 4 theo Quyết định số 40/QĐ-TV2 ngày 19/01/2016 của Tổng Giám đốc. Công ty trích lập 10% tính trên giá thành phát sinh năm trong năm 2016 cho Chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro cho phần phát sinh tăng khối lượng và chi phí khác;

Tổng số trích lập chi phí bao gồm cả chi phí phải trả trích trước cho công trình và dự phòng bảo hành công trình xây dựng không được vượt quá 10% doanh thu dự kiến của dự án.

- Trong năm 2017, Công ty thực hiện theo Quyết định số 71/QĐ-TV2 ngày 19/01/2017 của Tổng Giám đốc về việc trích chi phí bổ sung dự án EPC-Vĩnh Tân 4 với tổng mức trích dự phòng (bao gồm dự phòng bảo hành) không vượt quá 10% doanh thu dự án để đảm bảo sự phù hợp doanh thu - chi phí, tương ứng phần được trích trong năm 2017: 51.655.948.433 đồng chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro cho phần phát sinh tăng khối lượng và chi phí khác trích 4% trên giá thành của dự án trong năm 2017, 71.177.286.028 đồng chi phí bảo hành 5% doanh thu thực hiện.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	34.442.592.821	34.442.592.821	403.553.493.072	407.529.002.348	38.418.102.097	38.418.102.097
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (1)	34.442.592.821	34.442.592.821	398.735.695.074	402.711.204.350	38.418.102.097	38.418.102.097
- Vay cán bộ công nhân viên (2)	-	-	4.817.797.998	4.817.797.998	-	-
Vay dài hạn	8.467.172.010	8.467.172.010	11.367.000.000	20.382.091.000	17.482.263.010	17.482.263.010
- Vay cán bộ công nhân viên (2)	8.467.172.010	8.467.172.010	11.367.000.000	20.382.091.000	17.482.263.010	17.482.263.010
CỘNG	42.909.764.831	42.909.764.831	414.920.493.072	427.911.093.348	55.900.365.107	55.900.365.107

(1) Là khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn số 01/2015/93115/HĐTD ngày 05/03/2015 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung.

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;

- Lãi suất: 6,5% - 7,2%/năm;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp, cầm cố dây chuyền thiết bị tại Xí nghiệp Cơ Điện và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(2) Là khoản vay cán bộ công nhân viên, theo lãi suất từ 0,2% - 6,9%/năm, thời hạn vay từ 01 tháng đến 03 năm.



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VND

	Tỷ lệ	Tại 31/12/2017	Tỷ lệ	Tại 01/01/2017
Chủ sở hữu				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51,32%	30.093.340.000	51,32%	26.168.130.000
Tổ chức American LLC	13,23%	7.756.460.000	13,23%	6.744.750.000
Công ty CP Đầu tư Toàn Việt	7,45%	4.370.380.000	7,80%	3.977.200.000
Các Cổ đông khác	28,00%	16.414.520.000	27,65%	14.097.560.000
CỘNG	100%	58.634.700.000	100%	50.987.640.000

22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

VND

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.987.640.000	44.390.000.000
- Vốn góp tăng trong năm ⁽¹⁾	7.647.060.000	6.597.640.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.634.700.000	50.987.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.745.824.000	10.996.140.000

⁽¹⁾ Trong năm 2017, Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% và 10% bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 31 tháng 03 năm 2017.

22.3 CỔ PHIẾU

Cổ phiếu

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.863.470	5.098.764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.863.470	5.098.764
+ Cổ phiếu phổ thông	5.863.470	5.098.764
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.863.470	5.098.764
+ Cổ phiếu phổ thông	5.863.470	5.098.764
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

VNĐ

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	CỘNG
Tại 01/01/2016	44.390.000.000	-	8.857.682.530	(345.866.310)	34.719.967.727	120.773.929.178	4.614.200	208.400.327.325
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	99.435.158.915	-	99.435.158.915
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	17.118.091.225	(17.118.091.225)	-	-
- Tăng vốn trong năm (*)	6.597.640.000	-	-	-	-	(6.597.640.000)	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.398.500.000)	-	(4.398.500.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(6.072.530.408)	-	(6.072.530.408)
- Bán cổ phiếu quỹ	-	4.922.641.050	-	345.866.310	-	-	-	5.268.507.360
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	408.000	408.000
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	-	2.925.535.492	-	(2.925.535.492)	-	-	-
Tại 31/12/2016	50.987.640.000	4.922.641.050	11.783.218.022	-	48.912.523.460	186.022.326.460	5.022.200	302.633.371.192
Tại 01/01/2017	50.987.640.000	4.922.641.050	11.783.218.022	-	48.912.523.460	186.022.326.460	5.022.200	302.633.371.192
- Lợi nhuận năm này	-	-	-	-	-	214.451.134.908	-	214.451.134.908
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	29.830.547.675	(29.830.547.675)	-	-
- Tăng vốn trong năm (*)	7.647.060.000	-	-	-	-	(7.647.060.000)	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.098.764.000)	-	(5.098.764.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(10.375.665.892)	-	(10.375.665.892)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	408.000
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	-	858.239.147	-	(858.239.147)	-	-	-
Tại 31/12/2017	58.634.700.000	4.922.641.050	12.641.457.169	-	77.884.831.988	347.521.423.801	5.430.200	501.610.484.208

(*) Tăng vốn từ cổ tức được chia.

- Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017.



23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
Đồng Đô la Mỹ (USD)	32.172,00	376.798,87
Đồng Rúp Nga (RUB)	7.520,00	7.520,00

(¹) Trong năm 2017, Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% và 10% bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	1.703.149.096.243	1.508.673.713.797
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	134.318.977.032	137.786.245.463
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	562.047.257	118.515.307
CỘNG	1.838.030.120.532	1.646.578.474.567

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	1.321.920.024.295	1.277.764.231.458
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	117.620.415.013	120.363.222.528
Giá vốn vật tư đã cung cấp	466.405.338	-
CỘNG	1.440.006.844.646	1.398.127.453.986

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.201.896.531	20.996.745.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.535.840.900	1.301.737.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	427.411.108	2.024.288.858
Lãi do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	4.048.808.858	-
Chiết khấu thanh toán	5.150.748	4.694.223
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	101.255.878
CỘNG	38.219.108.145	24.428.721.459

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	4.458.233.799	3.101.826.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	163.031.153	1.287.215.692
Lỗ do đánh giá lại các khoản mục gốc ngoại tệ cuối năm	-	9.775.011.290
CỘNG	4.621.264.952	14.164.053.022

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí bán hàng	72.207.483.570	67.446.216.584
- Chi phí nhân viên	4.496.252	35.675.640
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	16.328.835
- Chi phí bảo hành công trình	71.704.064.855	67.354.828.933
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.476	14.704.176
- Chi phí bằng tiền khác	497.713.987	24.679.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	89.418.012.232	67.039.425.763
- Chi phí nhân viên quản lý	14.234.740.618	18.135.078.245
- Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	4.715.990.476	4.213.146.948
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.984.772.070	4.403.050.879
- Thuế, phí và lệ phí	8.229.364.388	8.491.381.462
- Chi phí dự phòng	6.157.281.978	3.590.990.374
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.939.459.349	4.594.224.315
- Chi phí bằng tiền khác	33.143.136.336	18.809.066.494
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.013.267.017	4.802.487.046
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	349.090.910	316.862.572
Thu đến bù mở rộng đường	-	659.921.944
Thu phạt thực hiện hợp đồng	139.945.104	-
Thu nhập khác	157.207.577	700.195.308
CỘNG	646.243.591	1.676.979.824



30. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	1.500.000
Nộp phạt và nộp bổ sung về thuế	390.932.084	153.651.765
Chi phí khác	1.567.180.593	342.463.346
CỘNG	1.958.112.677	497.615.111

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	VND	
	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	268.683.754.191	125.409.411.384
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	(69.910.486.053)	64.503.312.306
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	2.139.907.168	65.592.062.306
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận	(72.050.393.221)	(1.088.750.000)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	198.773.268.138	189.912.723.690
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	39.754.653.627	37.982.544.738
Chi phí thuế TNDN các năm trước	35.775.134.542	-
CỘNG THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	75.529.788.169	37.982.544.738

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	VND	
	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	214.451.134.908	99.435.158.915
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	(10.375.665.892)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(10.375.665.892)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông/sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	214.451.134.908	89.059.493.023
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.863.470	5.831.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	36.574	15.273

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được điều chỉnh bởi các nguyên nhân sau:

(1) Thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 do có sự thay đổi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành năm 2017 nguyên nhân từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Công ty đã phát hành thêm 764.706 cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 15%).

(2) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 là 15.273 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 trước điều chỉnh là 19.626 VND/CP).

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	VND	
	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN	214.451.134.908	99.435.158.915
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	(10.375.665.892)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(10.375.665.892)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông/sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	214.451.134.908	89.059.493.023
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.863.470	5.831.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP) (*)	36.574	15.273

(*) Như được nêu tại thuyết minh số 32 của Báo cáo tài chính tổng hợp, do ảnh hưởng của điều chỉnh nêu trên, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong kỳ.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.013.963.558	100.855.841.374
Chi phí nhân công	409.203.766.373	247.086.761.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.136.157.329	10.037.221.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.012.165.775	1.470.833.757.610
Chi phí bằng tiền khác	175.180.084.731	160.599.027.564
CỘNG	1.321.546.137.766	1.989.412.608.682

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.891.916.670	30.905.162.072
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	211.926.594.542	110.323.348.893
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	634.000.000.000	594.243.879.629
Đầu tư dài hạn khác	18.406.850.600	18.406.850.600
CỘNG	1.017.225.361.812	753.879.241.194
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	42.909.764.831	55.900.365.107
Phải trả người bán và phải trả khác	173.615.975.183	221.101.272.755
Chi phí phải trả	152.047.950.587	178.618.893.302
CỘNG	368.573.690.601	455.620.531.164
Trạng thái ròng	648.651.671.211	298.258.710.030

VND

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay theo thuyết minh số 21.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.



35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VNĐ

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
Tại 31/12/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	34.442.592.821	8.467.172.010	-	42.909.764.831
Phải trả người bán và phải trả khác	173.615.975.183	-	-	173.615.975.183
Chi phí phải trả	152.047.950.587	-	-	152.047.950.587
CỘNG	360.106.518.591	8.467.172.010	-	368.573.690.601
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	38.418.102.097	17.482.263.010	-	55.900.365.107
Phải trả người bán và phải trả khác	221.101.272.755	-	-	221.101.272.755
Chi phí phải trả	178.618.893.302	-	-	178.618.893.302
CỘNG	438.138.268.154	17.482.263.010	-	455.620.531.164

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn..

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VNĐ

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.891.916.670	-	-	152.891.916.670
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	211.764.679.542	161.915.000	-	211.926.594.542
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	634.000.000.000	-	-	634.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	18.406.850.600	-	18.406.850.600
CỘNG	998.656.596.212	18.568.765.600	-	1.017.225.361.812
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.905.162.072	-	-	30.905.162.072
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	110.096.248.893	227.100.000	-	110.323.348.893
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	594.243.879.629	-	-	594.243.879.629
Đầu tư dài hạn khác	-	18.406.850.600	-	18.406.850.600
CỘNG	735.245.290.594	18.633.950.600	-	753.879.241.194

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chủ yếu của Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

VNĐ

Năm 2017	Hoạt động khảo sát thiết kế	Hoạt động gia công cơ khí	Hoạt động bán vật tư, hoạt động khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.703.149.096.243	134.318.977.032	562.047.257	1.838.030.120.532
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.703.149.096.243	134.318.977.032	562.047.257	1.838.030.120.532
Giá vốn bộ phận	(1.321.920.024.295)	(117.620.415.013)	(466.405.338)	(1.440.006.844.646)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	381.229.071.948	16.698.562.019	1.028.452.595	398.023.275.886
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(161.625.495.802)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	236.397.780.084
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	38.219.108.145
Chi phí tài chính	-	-	-	(4.621.264.952)
Thu nhập khác	-	-	-	646.243.591
Chi phí khác	-	-	-	(1.958.112.677)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(75.529.788.169)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	21.297.168.886
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	214.451.134.908
Tổng Tài sản				1.561.428.649.135
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ				1.059.767.639.530

VNĐ

Năm 2016	Hoạt động khảo sát thiết kế	Hoạt động gia công cơ khí	Hoạt động bán vật tư, hoạt động khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.508.673.713.797	137.786.245.463	118.515.307	1.646.578.474.567
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.508.673.713.797	137.786.245.463	118.515.307	1.646.578.474.567
Giá vốn bộ phận	(1.277.764.231.458)	(120.363.222.528)	-	(1.398.127.453.986)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	230.909.482.339	17.423.022.935	118.515.307	248.451.020.581
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(134.485.642.347)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	113.965.378.234
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	24.428.721.459
Chi phí tài chính	-	-	-	(14.164.053.022)
Thu nhập khác	-	-	-	1.676.979.824
Chi phí khác	-	-	-	(497.615.111)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(37.982.544.738)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	12.008.292.269
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	99.435.158.915
Tổng Tài sản				1.460.442.985.697
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ				1.157.759.089.108

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có dự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.



37. CÁC THÔNG TIN KHÁC

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu với bên liên quan	1.624.316.564.326	1.519.069.037.658
- Tổng Công ty Phát điện 1	-	(154.166.705)
- Tổng công ty Phát điện 3	285.350.111	496.751.062
- Công ty Truyền tải Điện 1	4.698.809.418	3.031.868.894
- Công ty Truyền tải Điện 2	814.384.423	(55.973.749)
- Công ty Truyền tải Điện 3	529.884.339	1.952.654.377
- Công ty Truyền tải Điện 4	6.529.942.608	6.625.639.077
- Ban QLDA Thủy điện 1	553.210.773	-
- Ban QLDA Thủy điện 2	167.550.000	-
- Ban QLDA Thủy điện 6	3.037.129.322	357.881.156
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	15.836.866.317	-
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	5.438.264.839	3.747.891.047
- Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	1.039.041.569	104.969.581.997
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn	-	8.334.750.970
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	14.540.388.962	1.712.454.990
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	27.322.476.092	25.791.414.069
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	39.896.103.676	3.638.795.365
- Ban QLDA điện nông thôn Miền Trung	158.876.364	-
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam	13.132.329.488	8.295.942.154
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	14.966.056.883	2.412.217.895
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	210.316.600	63.434.182
- Công ty CP Thủy điện A Vương	243.777.669	-
- Công ty CP Thủy điện ĐN-HT-ĐM	3.915.877.786	2.307.909.167
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.625.938.491	1.067.300.000
- Công ty Thủy điện Đại Ninh	1.646.735.410	1.581.436.300
- Công ty Thủy điện Đồng Nai	2.083.509.494	1.956.087.970
- Công ty Thủy điện Huội Quảng- Bản Chát	1.034.148.543	-
- Công ty Thủy điện Sơn La	-	975.181.818
- Công ty Thủy điện Trị An	-	360.835.645
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	4.374.992.642	-
- Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc	-	572.611.212
- Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	100.000.000	2.248.379.691
- Công ty Điện lực Kiên Giang	572.019.901	296.232.313
- Công ty Điện lực An Giang	-	220.050.728
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	77.581.100	255.945.197
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	2.017.048.307	-
- Công ty Phát triển Thủy điện Sesan	17.476.376	108.445.062
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.456.450.476.823	1.335.533.849.410
- Xí nghiệp KS Thủy điện 2 - CT CP TV XD Điện 1	-	363.636.364

<i>Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)</i>	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Phải thu khách hàng	136.943.384.948	45.166.472.997
- Tổng Công ty Phát điện 3	-	239.393.945
- Công ty Truyền tải Điện 1	2.404.006.393	4.291.332.555
- Công ty Truyền tải Điện 2	929.149.584	1.978.785.315
- Công ty Truyền tải Điện 4	2.619.636.204	4.603.627.886
- Ban QLDA Thủy điện 1	327.992.765	26.168.801
- Ban QLDA Thủy điện 5	259.775.607	2.854.657.187
- Ban QLDA Thủy điện 6	1.879.106.714	615.649.950
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	1.261.179.361
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	98.115.952.600	2.216.721.742
- Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	-	1.821.476.089
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	2.883.377.489	2.056.409.648
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	1.280.054.333	1.153.803.955
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	8.780.617.099	10.489.252.313
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	6.551.284.449	1.091.325.053
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam	-	574.517.196
- BBan QLDA Lưới điện Hà Nội	202.650.941	202.650.941
- BBan QLDA TTĐL Ô Môn	-	5.573.404.295
- Ban QLDA đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô	-	761.052.127
- Công ty CP EVN Quốc tế	704.802.581	908.086.581
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	193.281.558	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	1.264.450.712	-
- Công ty Thủy điện Đại Ninh	1.811.408.951	-
- Công ty Thủy điện Huội Quảng- Bản Chát	853.172.548	-
- Công ty Thủy điện Trị An	497.399.430	497.399.430
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	3.459.861.628	-
- Công ty Thủy điện Đồng Nai	1.706.927.333	1.613.772.575
- Công ty Lưới điện Cao thế TP.Hồ Chí Minh	-	85.663.250
- Công ty Lưới điện Cao thế Miền Bắc	175.046.515	204.496.515
- Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	19.224.014	21.440.787
- Công ty Điện lực Kiên Giang	-	-
- Điện lực An Giang	24.205.500	24.205.500



37. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
Doanh thu với bên liên quan	50.756.356.533	270.530.917.546
- Ban QLDA CCTĐ Miền Nam	-	2.090.992.766
- Ban QLDA CCTĐ Miền Bắc	-	2.371.000.000
- Ban QLDA CCTĐ Miền Trung	-	7.038.106.490
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam	20.475.324.170	8.262.259.627
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	9.702.000.000	4.960.000.000
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	-	1.486.363.636
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.907.593.426	19.077.357.490
- Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	655.485.035	655.485.035
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	218.903.820.487
- Ban QLDA Thủy điện 5	-	232.769.447
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn	805.088.734	655.640.750
- Ban QLDA điện Nông thôn Miền Trung	12.232.093.495	1.975.697.000
- Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	240.646.527	-
- Công ty Thủy điện Hòa Bình	60.000.000	60.000.000
- Công ty CP Thủy điện ĐN-HT-ĐM	-	680.684.533
- Công ty CP Phát triển điện lực VN	26.144.069	26.144.069
- Công ty CP Thủy điện A Vương	49.349.337	102.980.424
- Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	-	628.706.209
- Công ty Điện lực Kiên Giang	-	69.026.187
- Công ty Lưới điện Cao thế TP.HCM	576.648.178	772.311.428
- Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	1.800.000.000	-
- Công ty Thủy điện Đồng Nai	-	95.781.846
- Công ty Thủy điện Quảng Trị	-	100.092.000
- Công ty CP Thủy điện Thác Bà	90.962.109	90.962.109
- Công ty nhiệt điện Phú Mỹ	36.896.250	36.896.250
- Công ty Truyền tải Điện 3	497.710.715	-
- Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
- Tổng Công ty Phát điện 2	154.850.000	154.850.000
- Tổng Công ty Phát điện 3	1.442.574.725	-
Trả trước cho người bán	127.616.225	-
- Trung tâm thông tin Điện lực	127.616.225	-
Phải trả người bán	7.018.128.428	18.519.258.202
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1	4.439.766.968	4.439.766.968
- Công ty DV sửa chữa các NMĐ EVNGENCO3	-	11.542.250.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	925.990.029	925.990.029
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.652.371.431	1.611.251.205

VND

Thu nhập HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc	Năm 2017	Năm 2016
- Thù lao Hội đồng quản trị	293.100.000	200.700.000
- Thù lao Ban kiểm soát	96.000.000	104.000.000
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.257.615.119	1.438.986.039

37.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32, Ngô Thời Nhiệm để làm Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 337/HĐTĐN-KD với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phụ lục hợp đồng số 312/ĐC-HĐTĐN, thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016.

Tuy nhiên, theo Hợp đồng số 02/HĐMBN-QLKDN ngày 16/01/2017 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 thì Công ty sẽ mua lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Trụ sở Công ty số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính của mình và đang xúc tiến để hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển giao quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

37.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Chơn Hùng
Tổng Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng

Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

🏠 : 32 Ngô Thời Nhiệm, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

☎ : (84.28) 222 16468

📠 : (84.28) 222 10408

✉ : info@pecc2.com

🌐 : www.pecc2.com